

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO
HỘI ĐỒNG THI TUYỂN CÔNG CHỨC

DANH SÁCH

**Kết quả điểm thi vòng 2 môn chuyên ngành nghiệp vụ kiểm sát kỳ thi tuyển công chức nghiệp vụ kiểm sát
ngành Kiểm sát nhân dân đợt 2 năm 2025**

(Kèm theo Thông báo số 33/TB-HĐTTCC ngày 24/03/2026 của Hội đồng thi tuyển công chức)

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Kết quả điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ					
1	006	Nguyễn Thị Diệu Ái		16/8/2000	Kinh	Gia Lai	xóm 1, KP An Sơn, phường Tam Quan, tỉnh Gia Lai	20.5	
2	007	Nguyễn Thanh An		24/8/2003	Kinh	Cần Thơ	116/1 Tầm Vu, Phường Tân An, TP Cần Thơ	60	
3	009	Nguyễn Khánh An		06/10/2001	Kinh	TP Hồ Chí Minh	612/36 Bình Long, Tân Quý, Tân Phú, TPHCM	15	
4	010	Nguyễn Thị Thúy An		13/7/2002	Kinh	Đồng Tháp	số 296 ấp Bình Phú, xã An Thạnh Thủy, tỉnh Đồng Tháp	14.5	
5	011	Lê Thị Kiều An		23/4/2003	Kinh	Quảng Ngãi	180/106 Hoàng Hoa Thám, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi	33	
6	012	Đặng Hoàng An	31/10/2000		Kinh	Hưng Yên	số 10 ngõ 44 Nguyễn Đình Chiều, phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	16.5	
7	013	Lê Bình An	08/09/2003		Kinh	Thanh Hóa	TDP Vạn Thắng 1, phường Đào Duy Từ, tỉnh Thanh Hóa	26	
8	014	Bùi Khánh An		5/7/2002	Kinh	Tây Ninh	Số 7/6A Ô 3, ấp Bàu Trai, xã Hậu Nghĩa, tỉnh Tây Ninh	24	
9	015	Lê Duy Anh	16/12/2002		Kinh	Cà Mau	phường An Xuyên, tỉnh Cà Mau	56	
10	016	Đặng Thị Huỳnh Anh		19/4/2001	Kinh	Cần Thơ	180b, KV Phú Quới, phường Cái Răng, TP Cần Thơ	35	
11	017	Trần Vũ Phương Anh		18/5/2001	Kinh	Cần Thơ	73C, khu vực Yên Hạ, Phường Cái Răng, TP Cần Thơ	17	
12	018	Lý Ngọc Anh		16/7/2003	Khmer	Cần Thơ	Ấp Phú Tây, xã Nhơn Mỹ, thành phố Cần Thơ	16	

Ch

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Kết quả điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ					
13	019	Tổng Ngọc Anh		1/7/2003	Kinh	Cà Mau	115 Sương Nguyệt Anh, Phường Phú Lợi, thành phố Cần Thơ	32.5	
14	020	Trần Tuấn Anh	22/04/2001		Sán Dìu	Tuyên Quang	xóm Lũng Hóc, xã Bế Văn Đàn, tỉnh Cao Bằng	20	
15	021	Đỗ Thùy Minh Anh		20/8/2002	Kinh	Đà Nẵng	Số 01 Ngõ Trí Hòa, tổ 68, phường Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng	3	
16	022	Phạm Nguyễn Lan Anh		18/11/2002	Kinh	Ninh Bình	52/a Khu phố 10, Tam Hiệp, Đồng Nai	25	
17	023	Đỗ Quỳnh Anh		12/1/2000	Kinh	Ninh Bình	ấp Gia Ray 1, Xuân Lộc, Đồng Nai	62	
18	024	Phạm Hoàng Lan Anh		21/10/2003	Kinh	Quảng Trị	Tổ 8, kp Đồng Nai, Biên Hòa, Đồng Nai	15	
19	025	Nguyễn Thị Kim Anh		15/3/1999	Kinh	Hung Yên	306 tổ 18, khu phố 7, phường Long Hưng, Đồng Nai	58	
20	027	Nguyễn Thục Anh		23/8/2003	Kinh	Nghệ An	Khối 5, phường Quỳnh Mai, tỉnh Nghệ An	77.5	
21	028	Nguyễn Quang Anh	21/4/2002		Kinh	Hải Phòng	TDP Đông Hải, phường Đồ Sơn, Hải Phòng	47	
22	029	Đỗ Thị Lan Anh		14/7/2002	Kinh	Hung Yên	10/33 Vũng Thiện, KP Chiêu Liêu, phường Dĩ An, TPHCM	84	
23	030	Bùi Trúc Anh		11/8/2002	Kinh	Hung Yên	xã Kiên Lương, tỉnh An Giang	46	
24	031	Nguyễn Trần Tuấn Anh	29/10/2003		Kinh	Lâm Đồng	21/3 Quang Trung, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	48	
25	033	Lê Thị Quỳnh Anh		13/8/2003	Kinh	Huế	11/314 Lý Nam Đế, phường Kim Long, thành phố Huế	81.5	
26	034	Đậu Quỳnh Anh		13/3/2003	Kinh	Hà Tĩnh	số 2/8 Nguyễn Văn Công, phường Hạnh Thông, TPHCM	47	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Kết quả điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ					
27	035	Vũ Lê Phương Anh		01/4/2000	Kinh	Ninh Bình	TDP 6, phường Ea Kao, tỉnh Đắk Lắk	55	
28	036	Lê Thị Vân Anh		27/11/2003	Kinh	Hung Yên	887 Hùng Vương, xã Chư Sê, tỉnh Gia Lai	38	
29	037	Kiều Nguyễn Hà Anh		04/10/2003	Kinh	Ninh Bình	34/10 Ngô Thị Nhậm, tổ 9, phường An Khê, tỉnh Gia Lai	24	
30	038	Phạm Nguyễn Phương Anh		27/02/2003	Kinh	Hải Phòng	18/2B Nguyễn Cửu Vân, khu phố 61, phường Gia Định, TPHCM	52.5	
31	039	Phạm Minh Anh		09/02/2001	Kinh	Hung Yên	15/5 Trương Công Định, phường Vũng Tàu, TPHCM	36	
32	040	Phạm Nhật Bảo Anh	03/5/2002		Kinh	Quảng Ngãi	34 Nguyễn Viết Xuân, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	12.5	
33	041	Trương Lê Hà Anh		07/7/2002	Kinh	Cà Mau	Khóm 23, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau	64.5	
34	042	Lê Nguyễn Văn Anh		15/7/2001	Kinh	Ninh Bình	A75/6G Bạch Đằng, phường Tân Sơn Hòa, TPHCM	58	
35	043	Trần Phạm Trâm Anh		13/02/2003	Kinh	Bắc Ninh	158 Tân Thới Hiệp 21, khu phố 5, phường Tân Thới Hiệp, TPHCM	56.5	
36	044	Lê Thị Kiều Anh		07/5/2003	Kinh	Quảng Trị	phường Đông Hà, tỉnh Quảng Trị	36	
37	046	Trịnh Thục Anh		11/11/2003	Kinh	Hà Nội	16 Ngõ Hải Tượng, phường Hoàn Kiếm, Hà Nội	56	
38	047	Ngô Phương Anh		29/10/2003	Kinh	Hà Nội	Số 161 Phương Mai, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội	64	
39	048	Nguyễn Mai Anh		27/9/2003	Kinh	Hải Phòng	thôn 7, xã Nghi Dương, thành phố Hải Phòng	44	
40	049	Hoàng Lê Mai Anh		4/10/2002	Kinh	Thanh Hóa	số 1/8 Đỗ Hành, phố 7, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa	20	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Kết quả điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ					
41	050	Đinh Ngọc Anh		19/4/2003	Kinh	Hà Nội	thôn 3, xã Nam Phù, thành phố Hà Nội	52.5	
42	051	Phan Nguyễn Đức Anh	13/7/2002		Tày	Hà Nội	404 Thụy Khuê, phường Bưởi, thành phố Hà Nội	63	
43	052	Nguyễn Ngọc Anh	03/7/2001		Kinh	Hà Tĩnh	thôn 1, xã Đức Lập, tỉnh Lâm Đồng	25.5	
44	053	Phạm Thị Vân Anh		14/02/2002	Kinh	Ninh Bình	Thôn 5, xã Đình Trang Thượng, tỉnh Lâm Đồng	0	
45	054	Nguyễn Thị Kiều Anh		06/01/2001	Kinh	Ninh Bình	Xóm Bến, xã Yên Mô, tỉnh Ninh Bình	64	
46	056	Phạm Lê Quế Anh		8/12/2002	Kinh	Tây Ninh	Số 46 Nguyễn Huệ, khu phố 4, phường Long An, tỉnh Tây Ninh	51	
47	057	Trần Huỳnh Anh		25/10/2002	Kinh	Vĩnh Long	2B, ấp Định Nhơn, xã Đồng Khởi, tỉnh Vĩnh Long	60	
48	058	Cao Đoàn Ngọc Ánh		18/8/2000	Kinh	Đà Nẵng	TDP Hương Lộc, xã Xuân Phú, thành phố Đà Nẵng	27	
49	059	Bùi Nguyễn Hoàng Ân		19/3/2001	Kinh	Vĩnh Long	100 ấp Hưng Bình A, xã Tân Hào, tỉnh Vĩnh Long	55.5	
50	060	Bùi Nguyễn Hoài Ân		25/4/2003	Kinh	Tây Ninh	ấp Thuận Hòa 2, xã Hòa Khánh, tỉnh Tây Ninh	33.5	
51	061	Trần Thanh Bảo	02/10/2003		Kinh	Đồng Tháp	Số 27 Hoàng Việt, P. Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	33	
52	063	Phạm Vũ Bảo	28/02/2003		Kinh	Gia Lai	tổ dân phố Tân Thạnh 1, phường Hoài Nhơn Tây, tỉnh Gia Lai	48.25	
53	064	Trần Hoàng Bảo	9/6/1999		Kinh	An Giang	Tổ 5, ấp Thị Mỹ, xã Vĩnh Phong, tỉnh An Giang	25	
54	065	Trần Khánh Bằng	03/6/2003		Hoa	Cà Mau	số 97 Hoàng Văn Thụ, khóm 10, phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau	56.75	

STT	Số bảo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Kết quả điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ					
55	066	Lê Tấn Công	06/02/2002		Kinh	Đắk Lắk	Khu phố Phú Đông 2, phường Phú Yên, tỉnh Đắk Lắk	45.5	
56	067	Mai Văn Công	20/4/1995		Kinh	Thanh Hóa	2/6Đ Nguyễn Thị Sáu, ấp Bắc Lân 1, xã Bà Điểm, thành phố Hồ Chí Minh	65	
57	068	Võ Thành Công	20/3/2001		Kinh	Đồng Tháp	Tổ 12, ấp Tân Hòa 2, xã Phú Hựu, tỉnh Đồng Tháp	12	
58	069	Nguyễn Thành Công	16/5/2002		Kinh	Tây Ninh	173 Phạm Hùng, phường Chánh Hưng, TPHCM	47	
59	070	Nguyễn Chí Cường	16/11/2003		Kinh	Quảng Trị	thôn 2, xã Sơn Mỹ, tỉnh Lâm Đồng	56.25	
60	071	Lê Mạnh Cường	26/4/2002		Kinh	Thanh Hóa	thôn Sơn Quý, xã Thọ Sơn, tỉnh Đồng Nai	28	
61	072	Nguyễn Chí Cường	21/4/2001		Kinh	Thanh Hóa	Lô 288 Mbqh 530, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa	40	
62	073	Võ Lê Bảo Châu		06/9/1997	Kinh	Đồng Tháp	Áp Mỹ An 4, xã Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp	61	
63	074	Phan Tô Ngọc Châu		21/12/2003	Kinh	Hà Nội	354/21 Lý Thường Kiệt, phường Diên Hồng, TPHCM	16	
64	075	Đỗ Ngọc Thanh Châu		28/11/2000	Kinh	Ninh Bình	2778B Phạm Thế Hiển, phường Bình Đông, TPHCM	15.5	
65	076	Đoàn Thảo Châu		23/5/2002	Kinh	Quảng Trị	775/775 Ba Đình, phường Chánh Hưng, TPHCM	10	
66	077	Trần Lê Tâm Châu		10/02/2003	Kinh	Đắk Lắk	13/7 Nguyễn Tất Thành, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk	39.5	
67	078	Phạm Minh Châu		29/8/2002	Kinh	Hà Nội	số 9/487 Kim Ngưu, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội	48	
68	079	Cao Minh Châu		28/11/2003	Kinh	Phú Thọ	tổ 29, KP Tiền Phong, phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ	33	

Ch

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Kết quả điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ					
69	081	Đặng Thị Linh Chi		10/10/2002	Kinh	Đồng Tháp	533/17/53, KP4 Bửu Hòa, Đồng Nai	10	
70	082	Mai Khánh Chi		30/8/2002	Kinh	Ninh Bình	233 Quốc Tuấn, Nha Trang, Khánh Hòa	60.5	
71	083	Lê Đoàn Khánh Chi		22/10/2002	Kinh	TP Hồ Chí Minh	Phường Nhiều Lộc, TPHCM	59	
72	084	Bùi Linh Chi		06/4/2000	Kinh	Hải Phòng	số 52/169 Phạm Hữu Lầu, phường An Biên, thành phố Hải Phòng	36	
73	085	Vũ Thị Linh Chi		26/1/2002	Kinh	Hưng Yên	Đội 3 Thôn Bằng Ngang, xã Lương Bằng, tỉnh Hưng Yên	10	
74	087	Vũ Ngọc Quỳnh Chi		25/12/2002	Kinh	Hưng Yên	08 Nguyễn Trung Trực, Phường Xuân Hương - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	19	
75	088	Bùi Lê Chính	16/11/2003		Kinh	Quảng Trị	Thôn Liên Hòa, xã Tân Lập, tỉnh Quảng Trị	20	
76	089	Hoàng Thị Thanh Chúc		03/10/2000	Kinh	Hưng Yên	Thôn Me, xã Ngự Thiên, tỉnh Hưng Yên	31	
77	090	Lâm Thị Mai Danh		6/6/2003	Khmer	Cà Mau	Xã Hưng Hội, tỉnh Cà Mau	45	
78	091	Nguyễn Thị Kiều Diễm		12/8/2001	Kinh	Cà Mau	Ấp Đại Điền, xã Long Điền, tỉnh Cà Mau	18	
79	092	Nguyễn Thị Kiều Diễm		24/4/2002	Kinh	Gia Lai	Khu phố Trường An 2, phường Hoài Nhơn, tỉnh Gia Lai	10	
80	093	Đặng Ngọc Huỳnh Diễm		20/6/2001	Kinh	Đà Nẵng	ấp Chiến Thắng, xã Xuân Định, Đồng Nai	36.5	
81	094	Phạm Ngọc Diễm		8/12/2003	Kinh	Phú Thọ	24, ấp 3, Nam Cát Tiên, Đồng Nai	36	
82	095	Trịnh Thị Kiều Diễm		11/11/2002	Kinh	Tây Ninh	Ấp 3, xã Long Cang, tỉnh Tây Ninh	24	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Kết quả điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ					
83	096	Lê Thị Hồng Diễm		23/8/2003	Kinh	Tây Ninh	Số 6a đường số 15, Khu phố 1, phường Hiệp Bình, thành phố Hồ Chí Minh	37	
84	097	Nguyễn Thị Bé Diễm		20/9/1996	Kinh	Vĩnh Long	104/1 ấp Thạnh Lợi A, xã Thạnh Phong, tỉnh Vĩnh Long	27	
85	098	Lê Thị Bảo Diệp		10/6/1999	Kinh	Huế	LK 14/01 Khu dân cư Bửu Long, Trấn Biên, Đồng Nai	68.5	
86	099	Đặng Thị Diệp		10/7/2002	Kinh	Nghệ An	08 Lê Duẩn, TDP 3, xã Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk	47	
87	101	Trịnh Ngọc Diệp		29/6/2000	Kinh	Tây Ninh	Số 311 khu phố Hướng Bình 1, phường Long An, tỉnh Tây Ninh	70	
88	102	Đinh Thị Huyền Diệu		14/8/2001	Kinh	Nghệ An	97 Nguyễn Khuyến, tổ 3, phường 2 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng	20	
89	103	Phạm Thị Hồng Doanh		21/5/2000	Kinh	Đồng Tháp	Ấp Mỹ Lợi, xã Tân Phước 3, tỉnh Đồng Tháp	40	
90	104	Trần Phương Dung		3/9/2002	Kinh	Ninh Bình	Thôn 3, Bom Bo, xã Bom Bo, Đồng Nai	40	
91	105	Trần Thị Mỹ Dung		25/4/1996	Kinh	Đồng Tháp	Tổ 4, ấp Phú Hòa, xã Cái Bè, tỉnh Đồng Tháp	27	
92	107	Nguyễn Thùy Dung		21/9/2003	Kinh	Hà Nội	Vạn Phúc, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội	50	
93	108	Bùi Thị Phương Dung		15/4/2002	Thái	Thanh Hóa	TDP Nghĩa Thuận, phường Đông Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng	10	
94	109	Phạm Tiến Dũng	21/8/2002		Kinh	Ninh Bình	Bắc Mực, Hầm Yên, Tuyên Quang	15	
95	110	Đinh Gia Tuấn Dũng	15/11/2003		Kinh	Ninh Bình	1138/13 Lê Hồng Phong, Nam Nha Trang, Khánh Hòa	71.5	
96	111	Đào Thế Dũng	10/10/2002		Kinh	Hung Yên	107 đường HT06, khu phố 39, phường Tân Thới Hiệp, TPHCM	35	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Kết quả điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ					
97	112	Nguyễn Khắc Tiến Dũng	5/12/2001		Kinh	Hung Yên	số 14,6, tổ 23, KĐT Trần Lâm, phường Trần Lâm, tỉnh Hưng Yên	74	
98	113	Nguyễn Văn Ngọc Dũng	08/03/2002		Kinh	Ninh Bình	Thôn 9, Bảo Lâm 2, Lâm Đồng	42	
99	114	Võ Văn Dũng	17/6/2003		Kinh	Gia Lai	Khu phố Tăng Long 2, phường Hoài Nhơn, tỉnh Gia Lai	39.5	
100	115	Bùi Văn Duy	1/1/2001		Kinh	Cà Mau	ấp Xí Nghiệp, xã Tân Ân, tỉnh Cà Mau	20	
101	116	Nguyễn Tường Duy		18/9/2002	Kinh	Cà Mau	ấp Mường Điều A, xã Tạ An Khương, tỉnh Cà Mau	10	
102	117	Nguyễn Thanh Duy	14/01/2001		Kinh	Đồng Tháp	Tổ 18, Ấp Tân Phú, xã Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp	26	
103	118	Vũ Hoàng Khánh Duy	26/8/2001		Kinh	Hải Phòng	171/36A Tôn Đản, phường Khánh Hội, TPHCM	47	
104	119	Nguyễn Văn Duy	24/6/2002		Kinh	Vĩnh Long	112 ấp Phú Hữu, xã Hương Mỹ, tỉnh Vĩnh Long	25.5	
105	120	Nguyễn Sỹ Lê Duy	28/5/2002		Kinh	Hà Tĩnh	phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh	82	
106	121	Đặng Anh Duy	30/3/1999		Kinh	Hà Nội	17/15 Yên Thế, tổ 21, Phường 2 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng	30	
107	122	Đàn Trần Bảo Duy	13/4/2000		Kinh	Gia Lai	tổ 2, phường Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi	15	
108	123	Phạm Văn Duy	01/10/2000		Hre	Quảng Ngãi	Thôn Kon Dung, xã Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi	21	
109	124	Nguyễn Thị Mỹ Duyên		08/10/2001	Kinh	Quảng Trị	Thôn Tân Lập, xã Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk	31	
110	126	Võ Kỳ Duyên		09/10/2003	Kinh	Đồng Tháp	Ấp Thân Bình, xã Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp	56.5	

STT	Số bảo đanh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Kết quả điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ					
111	127	Hồ Thái Thùy Duyên		23/9/2003	Kinh	Khánh Hòa	TDP 1, phường Bảo An, tỉnh Khánh Hòa	34	
112	128	Nguyễn Lê Mai Duyên		11/12/2001	Kinh	Hung Yên	Căn 106 Chung cư CT3, khu đô thị VCN, phường Nam Nha Trang, Khánh Hòa	29	
113	129	Trần Thị Kim Duyên		15/02/1999	Kinh	Đà Nẵng	thôn Thanh Ly 2, xã Thăng Bình, thành phố Đà Nẵng	52.5	
114	130	Biện Thị Khánh Duyên		08/6/2000	Kinh	Đồng Tháp	ấp Tân Tiến, xã Phước Thành, tỉnh Đồng Nai	29.5	
115	131	Nguyễn Hoàng Ngân Duyên		20/12/2003	Kinh	Khánh Hòa	407/67/2 Quang Trung, phường Gò Vấp, TPHCM	25	
116	132	Võ Kỳ Duyên		15/5/2003	Kinh	Quảng Trị	KP 3, phường Nam Đông Hà, tỉnh Quảng Trị	41	
117	133	Huỳnh Thị Kim Duyên		26/9/1997	Kinh	Gia Lai	xóm 1, Vạn Tín, xã Ân Hào, tỉnh Gia Lai	30	
118	134	Trần Văn Dự	20/8/2003		Kinh	Bình Định	22 Cô Giang, xã Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	39	
119	135	Nguyễn Minh Dương	31/5/2001		Kinh	An Giang	Số nhà 5687, ấp Hà Bao 2, xã Vĩnh Hậu, tỉnh An Giang	22	
120	136	Nguyễn Thị Thuỳ Dương		3/12/2000	Kinh	Cà Mau	xã Vĩnh Mỹ, tỉnh Cà Mau	44	
121	137	Võ Văn Quốc Dương	7/11/2000		Kinh	Cần Thơ	Ấp Thới Thuận A, xã Thới Lai, thành phố Cần Thơ	63	
122	138	Nguyễn Thị Thùy Dương		15/8/2001	Kinh	Đà Nẵng	Khối phố Quảng Hậu Đông, phường Điện Bàn Đông, thành phố Đà Nẵng	58	
123	139	Đỗ Hoàng Thùy Dương		22/7/2003	Kinh	Quảng Trị	Khu phố 4, phường Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị	38	

STT	Số bảo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Kết quả điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ					
124	140	Trần Hoàng Dương	03/04/2003		Kinh	Hà Tĩnh	Thôn Tân Bình, xã Đắc Song, tỉnh Lâm Đồng	17	
125	141	Lê Phạm Thùy Dương		2/3/2003	Kinh	Quảng Ngãi	56/31 Phan Đình Phùng, Tổ 12, khu phố Nga Ba Thành, phường Trần Biên, Đồng Nai	35	
126	142	Nguyễn Minh Thùy Dương		06/8/2002	Kinh	Khánh Hòa	số 234 Chung cư A, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	19	
127	143	Nguyễn Đoan Thùy Dương		05/9/2002	Kinh	Khánh Hòa	thôn Phan Bội Châu 2, xã Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa	28.5	
128	145	Trần Thị Thùy Dương		23/11/1999	Kinh	Tây Ninh	Số 210A ấp Long Khánh, xã Phước Lý, tỉnh Tây Ninh	25.75	
129	146	Nguyễn Trần Linh Đan		26/10/2002	Kinh	TP Hồ Chí Minh	271/2A Trường Chinh, phường Tân Bình, TPHCM	26.5	
130	147	ALăng Thị Lệ Đào		24/5/2003	Cotu	Đà Nẵng	Thôn Ra Nuối, xã Sông Kôn, thành phố Đà Nẵng	38	
131	149	Cao Quang Đạt	24.10.1997		Kinh	Cần Thơ	số 134, ấp Trường Trung, xã Trường Thành, thành phố Cần Thơ	24.5	
132	151	Nguyễn Thành Đạt	1/12/2001		Kinh	Vĩnh Long	số 296/6 ấp Hoà Thành, xã An Lạc Thôn, thành phố Cần Thơ	5.5	
133	153	Phan Chí Đạt	18/8/2004		Kinh	Cần Thơ	40/13/9, khu vực 11, Phường Vị Tân, TP Cần Thơ	70	
134	154	Thái Quang Đạt	1/3/2003		Hoa	Đồng Nai	khu phố Đồi riu, phường Hàng Gòn, Đồng Nai	28.5	
135	155	Nguyễn Tấn Đạt	16/7/2002		Kinh	Hà Nội	215A Nguyễn Thị Thập, P. Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	35	
136	156	Trần Vĩnh Đạt	28/6/2003		Hoa	Trung Quốc	Căn 17.22 Chung cư 8X Plus, 163A Trường Chinh, phường Đông Hưng Thuận, TPHCM	30	
137	157	Phạm Tuấn Đạt	19/7/2002		Kinh	Hưng Yên	18 Võ Thị Phái, phường Thới An, TPHCM	48	

Ch

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Kết quả điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ					
138	158	Nguyễn Doãn Thành Đạt	1/11/2000		Kinh	Hà Nội	thôn Thượng, xã Bình Minh, thành phố Hà Nội	51	
139	160	Phạm Nguyễn Đạt	10/11/2002		Kinh	Hung Yên	108B Lý Thái Tổ, tổ 24, Phường 2 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng	6	
140	162	Hà Văn Hải Đăng	23/9/2003		Kinh	Huế	177 Mai Thúc Loan, phường Phú Xuân, thành phố Huế	63	
141	163	Phan Đại Ngọc Ngân Đình		12/8/2003	Kinh	Tây Ninh	Số 119 Hùng Vương, khu phố Tân Xuân 1, phường Long An, tỉnh Tây Ninh	26	
142	165	Phan Thị Khánh Đoàn		22/7/2003	Kinh	Cà Mau	ấp Ninh Chùa, xã Ninh Quới, tỉnh Cà Mau	35	
143	167	Nguyễn Thị Châu Đoàn		26/10/2000	Kinh	Cà Mau	Tổ 1, ấp Thị Mỹ, xã Vĩnh Phong, tỉnh An Giang	15	
144	168	Nguyễn Minh Đoàn	01/5/2002		Kinh	Huế	Tổ dân phố Siêu Quần, phường Phong Dinh, thành phố Huế	36	
145	169	Danh Hên Ích Đom	21/12/2001		Khmer	An Giang	Ấp Vĩnh Lợi, xã Long Thạnh, tỉnh An Giang	23.5	
146	170	Nguyễn Đức Đồng	14/12/2001		Kinh	Quảng Ngãi	tổ 1 phường Pleiku, tỉnh Gia Lai	22	
147	171	Nguyễn Hữu Đồng	22/10/2002		Kinh	Hà Tĩnh	313 Lý Tự Trọng, TDP 9, xã Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	84.5	
148	172	Nguyễn Thanh Đồng	1/11/2002		Kinh	Hà Nội	thôn Thường Lệ, xã Quang Minh, thành phố Hà Nội	22	
149	173	Nguyễn Đình Đức	01/01/2003		Kinh	Nghệ An	Khối Tân Sơn, phường Quỳnh Thiện, tỉnh Nghệ An	30	
150	174	Lưu Quang Đức	21/11/2003		Kinh	Hải Phòng	24/86 kp 5, Long Bình, Đồng Nai	62	
151	175	Lê Thành Đức	28/8/2003		Kinh	TP Hồ Chí Minh	tổ 3 khu phố Tân Hội, phường Tân Hiệp, TPHCM	30	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Kết quả điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ					
152	176	Trương Minh Đức	21/5/2002		Kinh	Nghệ An	tổ 7 khu 1B phường Hà Lâm, tỉnh Quảng Ninh	17	
153	177	Nguyễn Văn Đức	12/8/1999		Kinh	Ninh Bình	thôn Hạ, xã Phù Đồng, thành phố Hà Nội	27	
154	178	Ksor Gun	11/9/1999		Jrai	Gia Lai	Bôn Rung Ma Nin, xã Ia Rbol, tỉnh Gia Lai	26	
155	179	Thị Cẩm Giang		12/11/2001	Khmer	An Giang	Ấp An Hòa, xã Gò Quao, tỉnh An Giang	13	
156	180	Phùng Thùy Châu Giang		18/02/1998	Kinh	Quảng Trị	Thôn Cam Phú 3, xã Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị	50	
157	181	Phạm Thị Hoàng Giang		26/6/2001	Kinh	Nghệ An	Tổ 15, KP 11, Tam Hiệp, Đồng Nai	45	
158	183	Nguyễn Ngọc Trúc Giang		26/10/2003	Kinh	Đồng Tháp	138 Phùng Khắc Khoan, phường Mỹ Trà, tỉnh Đồng Tháp	13	
159	185	Nguyễn Đình Nam Giang		01/9/2003	Kinh	Gia Lai	TDP 6, Tân Lợi, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	39	
160	186	Võ Thu Giang		15/01/2001	Kinh	Hà Tĩnh	11/67 Nguyễn Thiếp, tổ 6, phường Diên Hồng, tỉnh Gia Lai	53	
161	188	Đặng Quỳnh Giao		12/01/2002	Kinh	Vĩnh Long	78/6 ấp An Ninh A, xã An Qui, tỉnh Vĩnh Long	10	
162	189	Trương Thị Ngọc Giàu		29/10/1998	Kinh	An Giang	Số nhà 94, ấp 6 Biển, xã Đông Thái, tỉnh An Giang	60	
163	190	Trương Khánh Hà		27/10/2002	Kinh	An Giang	Ấp Mỹ Lương, xã Phú Tân, tỉnh An Giang	67.5	
164	191	Nguyễn Thị Thu Hà		01/8/2001	Kinh	Đà Nẵng	Diêm Điền, Tam Xuân, Đà Nẵng	41.5	
165	192	Nguyễn Ngọc Hà	29/10/2003		Kinh	Lào Cai	Thôn Cổ Phúc 6, xã Trấn Yên, tỉnh Lào Cai	18	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Kết quả điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ					
166	193	Trần Huỳnh Thiên Hà		08/6/2003	Kinh	Ninh Bình	tổ 5, khu phố 7, phường Phú Thúy, tỉnh Lâm Đồng	35	
167	195	Nguyễn Thúy Hà		30/4/2002	Kinh	Hưng Yên	2 Ngách 2 ngõ Phố Giác, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Hà Nội	76	
168	197	Đoàn Thị Hà		18/5/2001	Kinh	Hà Nội	Thôn Liên Hồ, xã Tân Hà - Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng	45.5	
169	198	Phạm Thị Hà		23/4/2003	Kinh	Quảng Trị	thôn Hưng Lộc, xã Quảng Trạch, tỉnh Quảng Trị	55	
170	200	Nguyễn Hồng Khánh Hạ		15/8/2002	Kinh	Quảng Trị	Phường Bảo An, tỉnh Khánh Hòa	60	
171	201	Lê Thị Duyên Hải		28/3/2002	Kinh	Thanh Hóa	Tổ 1, ấp 4, xã Tân Châu, Tây Ninh	61	
172	202	Nguyễn Công Hải	07/3/2001		Kinh	Hưng Yên	đội 5, thôn Lưu Xá, xã Hồng Quang, tỉnh Hưng Yên	42.5	
173	203	Đỗ Ngọc Hạnh		12/4/2001	Kinh	Cần Thơ	Khu vực Châu Khánh, Phường Khánh Hòa, thành phố Cần Thơ	28	
174	204	Trần Tuyết Hạnh		24/6/2003	Kinh	Hà Tĩnh	số 16, ngách 2, ngõ 43, đường Trung Tiết, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh	72.25	
175	205	Trần Thị Mỹ Hạnh		19/7/2003	Kinh	Đà Nẵng	Ngân Cầu, phường Điện Bàn Đông, thành phố Đà Nẵng	64.5	
176	206	Nguyễn Minh Hạnh		16/01/2000	Kinh	Đồng Tháp	54/4 đường Ấp Bắc, tổ 3A, KP 19, phường Đạo Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	45	
177	207	Võ Trần Hồng Hạnh		30/09/2003	Kinh	Quảng Ngãi	thôn Đại An Đông 1, xã Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi	64	
178	208	Lương Công Hạnh	26/6/1996		Kinh	Quảng Ngãi	thôn Giá Vực, xã Ba Vì, tỉnh Quảng Ngãi	32	
179	210	Phạm Chí Hào	22.03.2003		Kinh	Cà Mau	ấp Tân Lợi B, xã Tạ An Khuong, tỉnh Cà Mau	27	

STT	Số bảo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Kết quả điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ					
180	211	Nguyễn Thị Hằng		05/6/1999	Kinh	Phú Thọ	Tổ dân phố 2, phường Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk	43	
181	212	Phạm Khánh Hằng		24/6/2003	Kinh	Đắk Lắk	Số 2 Tổ 15 khóm Phương Mai, Bắc Nha Trang, Khánh Hòa	38	
182	213	Phùng Thị Thanh Hằng		23/8/2002	Kinh	Đồng Nai	tổ 60, ấp 5, xã An Phước, tỉnh Đồng Nai	50	
183	214	Lê Thanh Hằng		18/9/2000	Kinh	Hà Tĩnh	KDC 13B, phường Bình Đông, TPHCM	32	
184	215	Hoàng Thị Kim Hằng		17/7/2003	Kinh	Hà Tĩnh	37/18 đường số 44, phường An Hội Tây, TPHCM	60	
185	216	Trần Thị Thanh Hằng		22/03/2000	Kinh	Quảng Trị	thôn Xuân Dục 1, xã Trường Ninh, tỉnh Quảng Trị	23	
186	217	Bùi Thị Thúy Hằng		05/4/1995	Kinh	Vĩnh Long	ấp Mỹ Trung 1, xã Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long	50	
187	218	Trần Nguyễn Bảo Hân		26/11/2003	Kinh	Đà Nẵng	phường Tam Kỳ, thành phố Đà Nẵng	25	
188	219	Nguyễn Ngọc Hân		09/7/2003	Kinh	Đồng Tháp	Ấp Ba, xã Hưng Thạnh, tỉnh Đồng Tháp	46	
189	220	Lê Thị Ngọc Hân		01/10/2002	Kinh	Đồng Tháp	Tổ 11, ấp Hòa Hảo, xã Cái Bè, tỉnh Đồng Tháp	50	
190	221	Nguyễn Gia Hân		14/1/2003	Kinh	Đà Nẵng	TDP 6, Đắk Đoa, Gia Lai	18	
191	222	Lê Gia Hân		09/12/2003	Kinh	Lâm Đồng	55/16/3/10 Tây Lân, khu phố 44, phường Bình Tân, TPHCM	39	
192	223	Bùi Gia Hân		07/8/2003	Kinh	An Giang	117/18 Xô Viết Nghệ Tĩnh, khu phố 61, phường Gia Định, TPHCM	35	
193	224	Trịnh Lê Kim Hân		26/11/2002	Kinh	Vĩnh Long	304/48 ấp Hòa 2, xã Hưng Khánh Trung, tỉnh Vĩnh Long	66	

STT	Số bảo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Kết quả điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ					
194	225	Nguyễn Hải Hậu		7/9/2003	Kinh	Nghệ An	61 Nguyễn Bình Khiêm, Ninh Hòa, Khánh Hòa	31	
195	226	Nguyễn Vĩnh Hậu	13/01/2000		Kinh	Nghệ An	buôn Dham 2, xã Đắk Phơi, tỉnh Đắk Lắk	42	
196	227	Nguyễn Minh Hậu	3/5/2001		Kinh	Cà Mau	ấp 4, xã Năm Căn, tỉnh Cà Mau	20.5	
197	228	Nguyễn Thảo Hiền		15/3/2003	Kinh	Phú Thọ	Số 18 ngõ 292 đường Nghi Tàm, phường Hồng Hà, Thành phố Hà Nội	62.5	
198	229	Hoàng Dương Thảo Hiền		4/5/2003	Kinh	Thanh Hóa	206, Lê Quý Đôn, tổ 5, KP Bình Thiện, Bình Phước, Đồng Nai	56	
199	230	Nguyễn Thị Thu Hiền		11/3/2003	Kinh	Hà Tĩnh	Tổ 10, KP 4A, Trảng Dài, Đồng Nai	29	
200	231	Nguyễn Thị Minh Hiền		17/10/2002	Kinh	Ninh Bình	Số 4 Lý Tự Trọng, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	62.5	
201	232	Phan Thị Hiền		18/08/2000	Kinh	Hà Tĩnh	xã Đồng Lộc, tỉnh Hà Tĩnh	64	
202	233	Phan Võ Thu Hiền		4/6/2002	Kinh	Tây Ninh	250/1 ấp 1, xã Vĩnh Công, tỉnh Tây Ninh	33	
203	235	Hoàng Thuý Hiền		27/7/2003	Kinh	Hưng Yên	số 11 Khe Sanh, phường Xuân Hương - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	36	
204	236	Phùng Thị Diệu Hiền		29/4/1999	Kinh	TP Hồ Chí Minh	Số 366 tổ 9 ấp 3 xã Lộc Ninh, tỉnh Tây Ninh	25	
205	237	Trịnh Minh Hiền	11/10/2000		Kinh	Thanh Hóa	Tổ 11, ấp Trường An, xã Bàu Hàm, tỉnh Đồng Nai	44	
206	238	Nguyễn Như Hiệp	10/3/2001		Kinh	Hà Nội	P510 TT Bộ Tư pháp, phường Ngọc Hà, thành phố Hà Nội	74	
207	239	Lê Chí Hiếu	8/11/2003		Kinh	Cà Mau	ấp Thử Vải, xã Nguyễn Việt Khái, tỉnh Cà Mau	69.5	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Kết quả điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ					
208	240	Lê Ngọc Hiếu	5/11/2003		Kinh	Tuyên Quang	CHCC số 903, toà N04B2 KĐT M Dịch Vọng, phường Cầu Giấy, TP Hà Nội	28	
209	241	Lê Tuấn Hiếu	15/3/2003		Kinh	Hà Nội	TDP Bình Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	62	
210	242	Nguyễn Chí Hiếu	10/11/2002		Kinh	Phú Thọ	Tổ 20A, Khu Âu Cơ, phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ	28.5	
211	243	Nguyễn Đoàn Minh Hiếu	11/5/1998		Kinh	Thanh Hóa	173, ấp Hiệp Đồng, Định Quán, Đồng Nai	69	
212	244	Nguyễn Tà Trung Hiếu	28/5/2001		Kinh	TP Hồ Chí Minh	579/7A Quang Trung, phường Thông Tây Hội, TP. Hồ Chí Minh	35.5	
213	245	Nguyễn Minh Hiếu	12/2/2003		Kinh	Phú Thọ	Khu 7, xã Đào Xá, tỉnh Phú Thọ	63	
214	246	Nguyễn Đức Hiếu	30/7/2003		Kinh	Ninh Bình	số 58 phố 13, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình	40	
215	247	Lê Minh Hiếu	18/4/2003		Kinh	Tuyên Quang	P111 nhà 11 ngõ 41 Trường Chinh, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội	31	
216	248	Bon Krông K Hiếu	06/12/2001		Mạ	Lâm Đồng	Thôn 2, xã Đam Rông 2, tỉnh Lâm Đồng	39	
217	249	Phạm Lê Thanh Hoa		23/3/2003	Kinh	Đà Nẵng	Thôn Thái Sơn, phường Điện Bàn Bắc, thành phố Đà Nẵng	32	
218	250	Huỳnh Thị Mỹ Hoa		23/11/2002	Kinh	Đà Nẵng	Xã Chiên Đàn, thành phố Đà Nẵng	21	
219	251	Đặng Thị Cẩm Hoa		31/7/2002	Kinh	Đà Nẵng	Số nhà 52, đường Hà Bồng, tổ 14 phường An Hải, thành phố Đà Nẵng	21	
220	252	Nguyễn Tuấn Hoa	3/2/2002		Kinh	Tây Ninh	tổ 5, ấp Tân Thạnh, xã Tân Phú, tỉnh Tây Ninh	31.25	
221	254	Đoàn Trọng Hòa	08/01/1997		Kinh	Huế	Thôn Bình Dương, xã Bình Điện, thành phố Huế	34	

STT	Số bảo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Kết quả điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ					
222	255	Võ Đức Hòa	2/7/2003		Kinh	Tây Ninh	Số 22, Ô 1, khu phố Thủ Khoa Thừa 2, xã Thủ Thừa, tỉnh Tây Ninh	7	
223	256	Ngô Thanh Hoài		1/10/2001	Kinh	Đắk Lắk	tổ 7, khu phố Lý Tự Trọng, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk	73	
224	257	Nguyễn Lê Thanh Hoài	14/11/1997		Kinh	Gia Lai	KP Thịnh Văn 2, xã Văn Canh, tỉnh Gia Lai	10	
225	258	Lương Lê Minh Hoàng		6/10/2003	Kinh	Đà Nẵng	20 Tiên Sơn 9, tổ 44, phường Hòa Cường, thành phố Đà Nẵng	22	
226	259	Lê Thái Hoàng	17/8/1999		Kinh	Nghệ An	Thôn 1, xã Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk	11	
227	260	Trịnh Huy Hoàng	28/4/2000		Kinh	Nghệ An	9/8 Nguyễn Duy Trinh, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	13.5	
228	261	Võ Minh Hoàng		16/6/2002	Kinh	Khánh Hòa	thôn Cây Xoài, xã Suối Dầu, tỉnh Khánh Hòa	30	
229	262	Nguyễn Đình Minh Hoàng	15/03/2000		Kinh	Nghệ An	KDC 1, ấp 3, xã Định Quán, tỉnh Đồng Nai	33	
230	263	Nguyễn Duy Hoàng	11/7/2003		Kinh	Hà Tĩnh	thôn Tân Yên, xã Diên Ya, tỉnh Đắk Lắk	32	
231	264	Lê Đức Hoàng	8/11/2003		Kinh	Quảng Trị	KP 5, xã Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị	33	
232	265	Quảng Văn Hoàng	24/7/2001		Thái	Điện Biên	bản Nà Lóm, xã Thanh Nua, tỉnh Điện Biên	43.5	
233	266	Nguyễn Thị Bích Hoàng		18/06/2002	Kinh	Nghệ An	Tổ 2, Khu phố Đa Thọ, Phường Xuân Trường - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	26	
234	267	Nguyễn Đức Hoàng	21/5/2003		Kinh	Hà Nội	Thôn Đồng Tâm, xã Đình Văn Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng	16	
235	268	Phan Huy Hoàng	5/9/2003		Kinh	Tây Ninh	ấp Bàu Vừng, xã Phước Thạnh, tỉnh Tây Ninh	11	

STT	Số bảo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Kết quả điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ					
236	270	Nguyễn Thị Hồng		13/02/2003	Kinh	Quảng Trị	Thôn Phù Thị, xã Sen Ngư, tỉnh Quảng Trị	29	
237	271	Trịnh Thị Hồng		10/10/2002	Kinh	Thanh Hóa	tổ 19, khu phố Phú Thạnh, phường Phú Mỹ, TPHCM	27.5	
238	273	Long Thị Huế		07/02/1996	Nùng	Cao Bằng	Thôn 3, xã Bảo Lâm 1, tỉnh Lâm Đồng	26	
239	274	Trần Thị Gia Huệ		24/5/2003	Kinh	Gia Lai	Thôn Trung Bình, xã Xuân An, tỉnh Gia Lai	30	
240	276	Đặng Công Hùng	12/6/2001		Kinh	Đắk Lắk	Thôn Vinh Ba, xã Hòa Thịnh, tỉnh Đắk Lắk	20.5	
241	277	Lê Quang Hùng	19/11/2002		Kinh	Hải Phòng	tổ 21, ấp Suối Cát 1, xã Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai	43.75	
242	278	Trần Thanh Huy	08/02/1995		Kinh	An Giang	Tổ 2, ấp 4, xã Vĩnh Xương, tỉnh An Giang	37	
243	279	Nguyễn Trần Quốc Huy	29/10/2003		Kinh	Đà Nẵng	180 Đồng Kè, phường Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng	19	
244	280	Cồ Ngọc Gia Huy	26/11/2002		Kinh	Ninh Bình	55 Lăn Ông, phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	42	
245	281	Đặng Quốc Huy	30/10/2003		Kinh	Hà Nội	03/12 Bùi Hữu Nghĩa, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	59	
246	282	Huỳnh Đức Huy	19/5/2003		Kinh	Đà Nẵng	46 Lê Văn Hưu, phường Bình Kiến, tỉnh Đắk Lắk	22	
247	283	Vũ Quang Huy	13/10/2003		Kinh	Bắc Ninh	Thôn 5A, xã Ea Ning, tỉnh Đắk Lắk	35	
248	285	Nguyễn Hữu Huy	25/4/2003		Kinh	Gia Lai	TDP 3, phường Đông Hải, tỉnh Khánh Hòa	40	
249	286	Phan Văn Huy	8/7/2003		Kinh	Quảng Trị	phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị	63	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Kết quả điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ					
250	287	Nguyễn Quốc Huy	21/2/2002		Kinh	Cần Thơ	69 Lộ Vòng Cung, KV8, phường An Bình, thành phố Cần Thơ	18	
251	288	Lại Nhật Huy	8/10/2001		Kinh	TP Hồ Chí Minh	135/37/22 Phạm Đăng Giảng, phường Bình Hưng Hòa, TPHCM	15	
252	289	Vũ Đức Huy	23/11/2002		Kinh	Ninh Bình	tổ 6 khu Lê Hồng Phong, phường Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	31	
253	290	Võ Quang Huy	04/01/2003		Kinh	Đắk Lắk	38/7B Đường 3/2, Phường Xuân Hương - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	17	
254	291	Bùi Nguyễn Đức Huy	29/8/2002		Kinh	Tây Ninh	Số 9/4A, ấp Trường Xuân, xã Tầm Vu, tỉnh Tây Ninh	37.5	
255	294	Nguyễn Thị Ngọc Huyền		25/5/2003	Kinh	Ninh Bình	1001 Trần Hưng Đạo, phố 12 Vân Giang, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình	57.5	
256	295	Nguyễn Lê Khánh Huyền		08/6/2000	Kinh	Đà Nẵng	Số 114 đường Trần Quốc Thảo, phường Hòa Xuân, thành phố Đà Nẵng	32	
257	296	Nguyễn Thị Thảo Huyền		25/7/2003	Kinh	Hà Tĩnh	16/5 Lý Tự Trọng, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk	25.5	
258	297	Đặng Lê Thanh Huyền		25/11/2002	Kinh	Nghệ An	127 Đào Duy Từ, xã Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	23	
259	298	Lê Thị Mỹ Huyền		05/5/1998	Kinh	Vĩnh Long	khóm Vĩnh Hội, phường Long Đức, tỉnh Vĩnh Long	33	
260	299	Lê Thị Như Huỳnh		14/8/1999	Kinh	Đồng Tháp	Ấp Hưng Lợi Đông, xã Tân Khánh Trung, tỉnh Đồng Tháp	12	
261	300	Nguyễn Trung Huỳnh	10/7/2003		Kinh	Cà Mau	ấp Thuận Long A, xã Tân Tiến, tỉnh Cà Mau	35	
262	301	Hứa Vĩnh Hưng	28/7/2002		Kinh	Đà Nẵng	43 Vũ Miên, phường Hòa Xuân, thành phố Đà Nẵng	15	
263	302	Nguyễn Trịnh Nam Hưng	23/8/2003		Kinh	Đắk Lắk	Tổ 8, Khu phố Lý Tự Trọng, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk	7	

STT	Số bảo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Kết quả điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ					
264	303	Lưu Văn Hưng	5/8/2003		Kinh	Bắc Ninh	thôn Liên Cơ, xã Yên Thế, tỉnh Bắc Ninh	72	
265	304	Nguyễn Thị Lan Hương		25/10/2000	Kinh	Đồng Tháp	Ấp Hưng Hòa, xã Vĩnh Hựu, tỉnh Đồng Tháp	17	
266	305	Trần Thị Quế Hương		20/6/2002	Kinh	Đồng Tháp	367/9, tổ 9, KP. Mỹ Lương, P. Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp	29	
267	306	Hoàng Thanh Hương		17/6/2003	Kinh	Phú Thọ	Lô 11, Ô tái định cư 6, Khu tái định cư dự án khu đô thị mới Phước Long, Nam Nha Trang, Khánh Hòa	47.5	
268	308	Đào Ngọc Xuân Hương		8/12/2003	Kinh	Đồng Tháp	340 Trần Hưng Đạo, khóm Vĩnh Phước, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	72.25	
269	309	Lê Hồng Hương		17/4/2002	Kinh	Thanh Hóa	Lô C02-C02, phố Cao Sơn, phường Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa	65	
270	311	Nguyễn Trần Thảo Hương		28/02/2002	Kinh	Vĩnh Long	ấp Gia Kiệt, xã Trà Côn, tỉnh Vĩnh Long	52	
271	312	Nguyễn Minh Tổ Mỹ Lan Hương		22/10/1999	Kinh	Cần Thơ	ấp Phú Thạnh, xã Thạnh Xuân, thành phố Cần Thơ	27	
272	313	Hoàng Thị Thu Hường		27/02/2002	Kinh	Hưng Yên	46 Thánh Tâm, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	13	
273	314	Trần Quốc Kiệt	11/9/2004		Kinh	An Giang	Ấp Xẻo Dinh, xã Tây Yên, tỉnh An Giang	67	
274	315	Trần Anh Kiệt	31/10/2001		Kinh	Hà Nội	26A, ngách 575/18 Kim Mã, Giảng Võ, Hà Nội	28.5	
275	316	Lý Ngọc Kiều		10/4/2000	Kinh	Đồng Tháp	1/107/12 Phạm Ngọc Thạch, khóm Hòa Khánh, P. Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	69	
276	317	Lâm Thiên Kim		21/4/2000	Kinh	Cần Thơ	Ấp Chợ, xã Lưu Nghiệp Anh, tỉnh Vĩnh Long	8.5	
277	318	Trần Xuân Kỳ		10/1/2000	Kinh	Đồng Tháp	Tổ 15, ấp An Bình, Bình An, Đồng Nai	36	

STT	Số bảo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Kết quả điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ					
278	319	Trịnh Lương Tuấn Khải	9/9/2001		Kinh	Quảng Ngãi	09 Cao Bá Quát, xã Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	13.5	
279	320	Nguyễn Phước An Khang	18/6/1999		Kinh	An Giang	Tổ 4, khu phố 1, phường Dương Đông, Đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang	65	
280	321	Nguyễn Văn Hoàng Khang	12/1/2001		Kinh	An Giang	ấp Khánh Lợi, xã Mỹ Đức, tỉnh An Giang	34	
281	323	Lê Hoàng Khang	21/1/2003		Kinh	An Giang	Lô 6, Căn 8 đường Trần Quang Khải, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang	22	
282	324	Nguyễn Minh Khang	5/11/2003		Kinh	TP Hồ Chí Minh	4/17C ấp Tiền Lân 5, xã Bà Điểm, TPHCM	22	
283	325	Lâm Hoàng Khang	03/10/2002		Kinh	Gia Lai	70 Yersin, Phường Xuân Hương - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	19	
284	326	Nguyễn Minh Khanh		1/2/2001	Kinh	TP Hồ Chí Minh	242A/10 ấp 36, xã Bình Chánh, TPHCM	20	
285	327	Lê Ngọc Vân Khánh		28/9/2002	Kinh	Đồng Tháp	Ấp Hưng Lợi Tây, Xã Tân Khánh Trung, tỉnh Đồng Tháp	38.5	
286	328	Nguyễn Bình Ngọc Khánh	6/2/2003		Kinh	Hà Nội	thôn Hàn, xã Sơn Đồng, TP. Hà Nội	70	
287	329	Trịnh Gia Khánh		19/9/2003	Kinh	Thanh Hóa	Căn hộ 11,12, chung cư M.one Gia Định, số 12 Nguyễn Bình Khiêm, phường Hạnh Thông; TPHCM	62	
288	330	Nguyễn Kim Khánh		2/9/2001	Kinh	Gia Lai	xã Phù Mỹ, tỉnh Gia Lai	24	
289	331	Đào Bá Trọng Khánh	11/11/1999		Kinh	Quảng Trị	KP 6, phường Nam Đông Hà, tỉnh Quảng Trị	33	
290	332	Trần Lê Khánh	10/4/2002		Kinh	Đà Nẵng	số 1 Đường 36, thôn Nam Chính 10, xã Đức Linh, tỉnh Lâm Đồng	17	
291	333	Đặng Nguyễn Anh Khoa	17/3/2003		Kinh	An Giang	tổ 2, Bàu Trâm, Long Khánh, Đồng Nai	53.5	

STT	Số bảo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Kết quả điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ					
292	335	Nguyễn Thị Anh Khoa		20/2/2003	Kinh	Vĩnh Long	460, ấp Long Điền, xã Phước Long, tỉnh Vĩnh Long	35.5	
293	336	Nguyễn Đăng Khoa	14/8/2003		Kinh	Quảng Ngãi	xóm Trung Hòa, thôn Xuân Yên Đông, xã Đông Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	21.5	
294	337	Ngô Đăng Khoa	21/7/2003		Kinh	Cà Mau	ấp 4, xã Tam Giang, tỉnh Cà Mau	67	
295	338	Lê Minh Khôi	17/1/2002		Kinh	Đồng Tháp	tổ 8, khóm 3, phường Mỹ Trà, tỉnh Đồng Tháp	56.5	
296	339	Huỳnh Minh Khôi	3/11/2002		Kinh	TP Hồ Chí Minh	A28/2 ấp 14, xã Hưng Long, TPHCM	53	
297	340	Trần Bá Khôi	1/11/2003		Kinh	Hà Nội	số 1 ngõ 18 đường Lê Trọng Tấn, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội	51	
298	341	Nguyễn Minh Khôi	27/8/1993		Kinh	Hà Nội	thôn Phúc Thọ 1, xã Tân Hà Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng	57.5	
299	342	Trần Đức Minh Khuê		13/10/2001	Kinh	Ninh Bình	Số nhà 1336, đường 30/4, phường Vĩnh Thông, tỉnh An Giang	13.5	
300	343	Phạm Dương Ngọc Khuê		18/12/2003	Kinh	Hưng Yên	57, vợ Văn Tản, kp Tân Bình, P Bình Phước, Đồng Nai	44.5	
301	344	Vũ Minh Khuê		14/5/2003	Kinh	Bắc Ninh	Số 19 Ngõ 93 phố Nghĩa Dũng, Phường Hồng Hà, Hà Nội	61	
302	345	Nguyễn Hoàng Đan Khuyến		15/11/2003	Kinh	Huế	023 Lô G, cư xá Thanh Đa, khu phố 7, phường Bình Quới, TPHCM	35	
303	346	Đào Ngọc Lam		24/4/2002	Kinh	Hưng Yên	183 Cách Mạng Tháng Tám, phường Bàn Cờ, TPHCM	20	
304	347	Trần Thụy Hồng Lam		25/12/2000	Kinh	Khánh Hòa	129 Chính Hữu, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	62.5	
305	348	Nguyễn Trần Thanh Lam		10/5/2003	Kinh	Hà Nội	118/4 Đường 30/4 xã Đa Tịch, tỉnh Lâm Đồng	35	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Kết quả điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ					
306	349	Nguyễn Thị Ngọc Lan		06/8/2001	Kinh	Quảng Trị	Thôn Ngô Bắc, xã Lệ Ninh, tỉnh Quảng Trị	50	
307	350	Lê Thị Phương Lan		10/8/2001	Kinh	Đà Nẵng	Thôn Mộc Bài, xã Xuân Phú, thành phố Đà Nẵng	32	
308	351	Nguyễn Thị Ngọc Lan		21/02/1998		Đồng Tháp	Ấp Tây, xã Long Định, tỉnh Đồng Tháp	47.5	
309	352	Đặng Thị Lành		08/01/2000	Kinh	Hải Phòng	Thôn Tà Hine, xã Tà Hine, tỉnh Lâm Đồng	62.5	
310	355	Bùi Thị Hồng Liên		26/10/2003	Kinh	Ninh Bình	thôn 21, xã Hải Tiến, tỉnh Ninh Bình	22	
311	356	Hoàng Thị Liễu		25/4/1999	Kinh	Thanh Hóa	thôn Nam Thượng, xã Thọ Long, tỉnh Thanh Hóa	62	
312	357	Nguyễn Nhã Linh		27/10/2002	Kinh	An Giang	Ấp Thuồng Luồng, xã Đông Hưng, tỉnh An Giang	42	
313	358	Nguyễn Yến Linh		4/6/1999	Kinh	Cà Mau	ấp 7, xã Thới Bình, tỉnh Cà Mau	39.5	
314	359	Liêu Thị Hương Linh		9/8/2003	Kinh	Cà Mau	phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau	65	
315	360	Nguyễn Thị Cẩm Linh		29/4/2001	Kinh	Cần Thơ	Khu vực Thới Thạnh, phường Ô Môn, thành phố Cần Thơ	16	
316	361	Vũ Ngọc Linh		17/11/2003	Kinh	Ninh Bình	Tổ dân phố số 8 Đình Thôn, phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	63	
317	362	Nguyễn Thị Mỹ Linh		14/01/2003	Kinh	Huế	Phường Mỹ Thượng, thành phố Huế	29.5	
318	363	Trần Mai Linh		09/10/2003	Kinh	Thanh Hóa	Thôn Tùng Thi, xã Lĩnh Toại, tỉnh Thanh Hóa	17.25	
319	364	Nguyễn Nhật Linh	27/7/2002		Kinh	Gia Lai	Tổ dân phố Hòa Cư, phường An Nhơn Đông, tỉnh Gia Lai	17.5	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Kết quả điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ					
320	365	Đoàn Lương Mỹ Linh		30/8/2002	Kinh	Hung Yên	Thôn Hòa Đồng, Bù Đăng, Đồng Nai	39	
321	366	Trần Nguyệt Linh		23/11/2003	Kinh	Ninh Bình	47a, 2c, Trảng Bom, Đồng Nai	25	
322	367	Phạm Tổng Khánh Linh		06/10/2003	Kinh	Đồng Tháp	181 Lê Lợi, tổ 30, khóm 7, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	27.5	
323	368	Cao Nguyễn Khánh Linh		19/7/2003	Kinh	Hải Phòng	5/50 Chính Kinh, Thanh Xuân, Hà Nội	72	
324	369	Hà Thu Linh		28/8/2002	Kinh	Phú Thọ	số 21/3 đường Cây Đa, khu phố Tân Phú 1, phường Tân Đông Hiệp, TPHCM	40	
325	370	Lê Nguyễn Khánh Linh		27/9/1996	Kinh	Đà Nẵng	2/4 Trần Hưng Đạo, phường Xuân Hương - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	50.5	
326	371	Phạm Thanh Cát Linh		5/12/2003	Kinh	Quảng Ngãi	tổ 1, phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi	3	
327	372	Nguyễn Trần Ái Linh		7/1/2001	Kinh	Hà Tĩnh	Chung cư CT2 - A10, KĐT Nam Trung Yên, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội	63	
328	373	Nguyễn Thị Khánh Linh		24/2/2003	Kinh	Hà Tĩnh	phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh	86	
329	374	Tạ Mai Linh		26/10/1999	Kinh	Nghệ An	P106 Tầng 1 Giảng Võ, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội	29	
330	376	Lê Nguyễn Ngọc Linh		11/12/2002	Kinh	Quảng Ngãi	Thôn Tân Thành, xã Đình Văn Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng	14.25	
331	377	Hoàng Thị Mỹ Linh		26/01/2003	Kinh	Thanh Hóa	Thôn An Hiệp, xã Hiệp Thành, tỉnh Lâm Đồng	25.25	
332	378	Nguyễn Thị Mỹ Linh		02/7/2000	Kinh	Gia Lai	tổ 2, khu phố Thiện Chánh, phường Hoài Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai	65	
333	379	Nguyễn Thị Ngọc Linh		10/8/1999	Kinh	Thanh Hóa	thôn 2, xã Sa Thầy, tỉnh Quảng Ngãi	53	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Kết quả điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ					
334	380	Hồ Thị Mỹ Linh		20/02/1997	Kinh	Vĩnh Long	ấp Tân Trung, xã Quới An, tỉnh Vĩnh Long	58.5	
335	381	Võ Thị Bích Loan		17/10/2001	Kinh	Huế	Hẻm 148 Trần Hoàn, tổ 4, phường Hương Thủy, thành phố Huế	64	
336	382	Trương Minh Long	25/3/2001		Kinh	Hà Nội	Phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ	61	
337	383	Nguyễn Thanh Long	25/5/1999		Mường	Phú Thọ	Tổ 4, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ	40	
338	384	Huỳnh Thiên Long	14/5/2003		Kinh	Huế	06 Hồ Xuân Hương, Nha Trang, Khánh Hòa	52	
339	385	Phạm Hoàng Long	28/11/2003		Kinh	Quảng Trị	Liên Gia 1, TDP 2, xã Ea Drăng, tỉnh Đắk Lắk	83	
340	386	Nguyễn Phi Long	31/3/2001		Kinh	Đồng Nai	Tổ 10 khu C ấp Phước Cường, xã Đại Phước, tỉnh Đồng Nai	35	
341	387	Phạm Lê Hoàng Long	29/12/2002		Kinh	Hải Phòng	Số 31 đường Lý Thường Kiệt, tổ 1 khu Thanh Sơn 3, phường Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	15	
342	388	Lê Thành Lợi	16/6/2003		Kinh	Quảng Ngãi	tổ 1, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi	63	
343	389	Tô Hữu Luân	13/9/2002		Kinh	Đồng Tháp	Ấp Lương Phú B, xã Lương Hòa Lạc, tỉnh Đồng Tháp	25	
344	390	Bùi Minh Luân	12/12/2000		Kinh	Tây Ninh	ấp 5, xã Mỹ An, tỉnh Tây Ninh	43	
345	391	Nguyễn Võ Lực	5/4/2001		Kinh	Đắk Lắk	thôn Phong Phú, xã Ô Loan, tỉnh Đắk Lắk	51	
346	392	Trần Đức Lương	20/5/2003		Kinh	Nghệ An	Thôn Xuân Đông, Vạn Hưng, Khánh Hòa	23.5	
347	393	Đinh Ngọc Cẩm Ly		11/09/2002	Mường	Phú Thọ	Tổ 1, Nam Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng	39	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Kết quả điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ					
348	394	Lê Thị Xuân Mai		27/6/2003	Kinh	Thanh Hóa	ấp Xây Dựng, xã Trảng Bom, Đồng Nai	51	
349	395	Nguyễn Dương Phương Mai		19/7/2003	Kinh	Đồng Tháp	Số 362, tổ 16, ấp Lương Phú A, xã Lương Hòa Lạc, tỉnh Đồng Tháp	39	
350	396	Nguyễn Trúc Mai		25/6/2001	Kinh	Đồng Tháp	Ấp Mỹ An 4, xã Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp	46.5	
351	397	Trình Ngọc Phương Mai		24/2/2003	Kinh	TP Hồ Chí Minh	334 Hồ Học Lãm, phường An Lạc, TPHCM	27	
352	398	Lê Thị Thanh Mai		10/10/2003	Kinh	Thanh Hóa	Số 11 Hà Huy Tập, Phường Xuân Hương - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	18	
353	399	Trần Thị Thanh Mai		06/6/1997	Kinh	Ninh Bình	Phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	51	
354	400	Phạm Văn Mạnh	2/9/1993		Kinh	Cần Thơ	xã Mỹ Hương, thành phố Cần Thơ	26	
355	401	Vũ Đình Mão	18/5/1999		Kinh	Hưng Yên	Thôn AnNa, xã Ea Na, tỉnh Đắk Lắk	16	
356	402	Phạm Minh Mẫn	9/12/2000		Kinh	TP Hồ Chí Minh	Ấp Chót Đồng, xã Thanh An, TPHCM	43	
357	403	Nguyễn Tấn Quang Minh	19/9/2003		Kinh	Gia Lai	36 Phước Long nối dài, Nam Nha Trang, Khánh Hòa	17	
358	404	Lê Tuấn Minh	12/1/2003		Kinh	Nghệ An	số 80 hẻm 13 Trung Nữ Vương, ấp Bình Hòa, xã Châu Thành, tỉnh Tây Ninh	51	
359	405	Hoàng Lê Minh	15/12/2001		Kinh	Hải Phòng	31 Trần Thánh Tông, phường Tân Sơn, TPHCM	50	
360	406	Đoàn Hoàng Thảo Minh		9/1/2003	Kinh	Quảng Trị	TDP 5, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị	25	
361	408	Nguyễn Anh Minh	23/10/2003		Kinh	Quảng Ngãi	03 Lý Thường Kiệt, Phường Phan Thiết, tỉnh Lâm Đồng	14	

STT	Số bảo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Kết quả điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ					
362	409	Phí Nguyễn Ngọc Minh		26/8/2000	Kinh	Hưng Yên	tổ 5, Khu phố 12, Phường Phú Thủy, tỉnh Lâm Đồng	2.5	
363	410	Lê Ngọc My		01/6/2002	Khmer	An Giang	Số nhà 278/B, Tổ 3, ấp Ngã Còn, xã Long Thạnh, tỉnh An Giang	39.5	
364	411	Nguyễn Thị Trà My		27/6/2002	Kinh	Thanh Hóa	Tổ 13, Phường Vỹ, Xuân Thành, Đồng Nai	56.5	
365	412	Nguyễn Hà My		6/11/2003	Kinh	Thanh Hóa	92/3S Tổ 7, Khu phố 11, Tam Hiệp, Đồng Nai	16.25	
366	413	Hà My		2/4/2002	Kinh	Ninh Bình	234/12/2 Lê Đức Thọ, phường An Nhơn, TPHCM	31.5	
367	414	Tô Ngọc Thảo My		11/9/2003	Kinh	Tây Ninh	Đường 12c, 004 chung cư B5, phường Vĩnh Hội, TPHCM	29	
368	415	Trần Thị Diễm My		5/11/2002	Kinh	Tây Ninh	ấp Đức Ngãi 2, xã Hậu Nghĩa, tỉnh Tây Ninh	35	
369	416	Nguyễn Thị Trà My		6/9/2002	Tày	Lạng Sơn	Trần Quang Khải, phường Lương Văn Tri, tỉnh Lạng Sơn	23.5	
370	417	Ngô Thị Trà My		27/6/2002	Kinh	Thanh Hóa	69 Nam Hồ, phường Xuân Trường - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	6	
371	419	Lê Thị Ly Na		27/10/2000	Kinh	Đà Nẵng	Thôn 2, xã Phước Hiệp, thành phố Đà Nẵng	43.5	
372	420	Tăng Huỳnh Phương Nam	6/7/1998		Khmer	Cần Thơ	ấp Tân Nam, Phường Vĩnh Phước, thành phố Cần Thơ	42	
373	422	Chế Hoàng Nam	11/8/2003		Kinh	Đồng Tháp	306/3 ấp Hòa Bình, xã Hòa Long, tỉnh Đồng Tháp	40	
374	423	Nguyễn Gia Nam	15/2/2002		Kinh	Bắc Ninh	6B Đông Khê, phường Gia Viên, thành phố Hải Phòng	32.5	
375	426	Nguyễn Phương Ninh		7/9/1998	Kinh	Hà Nội	thôn An Bình, xã Tân Hà Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng	27	

STT	Số bảo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Kết quả điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ					
376	427	Nguyễn Phạm Phương Ny		27/10/2000	Kinh	Cần Thơ	Khu vực 1, Phường Vị Thanh, TP Cần Thơ	59	
377	428	Nguyễn Khánh Ny		16/3/2003	Kinh	Đắk Lắk	Thôn Mỹ Xuân 2, xã Hòa Thịnh, tỉnh Đắk Lắk	41.5	
378	429	Phạm Nguyễn Xa Ny		18/6/2002	Kinh	Khánh Hòa	Thôn Phú Hội 1, Vạn Thắng, Khánh Hòa	41	
379	430	Trịnh Thị Tuyết Nga		24/10/2002	Kinh	Thanh Hóa	Số nhà 1028/20, Nguyễn Trung Trực, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang	22	
380	431	Lê Thiện Thanh Nga		04/6/2003	Kinh	Đà Nẵng	Khối phố Cẩm Sa, phường Điện Bàn Đông, thành phố Đà Nẵng	43	
381	432	Nguyễn Quỳnh Nga		6/5/2003	Kinh	Hung Yên	số 69/1 Trần Hưng Đạo, thôn 3, xã Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị	11	
382	433	Hoàng Linh Nga		15/4/2002	Kinh	Hải Phòng	số 29 Hoàng Lê Kha, tổ 6, KP 3, phường Tam Thắng, TPHCM	10.5	
383	434	Nguyễn Thị Kim Ngân		17/3/2001	Kinh	Đồng Tháp	Tổ 11, ấp Hưng Thới 2, xã Phú Tân, tỉnh An Giang	41	
384	435	Bùi Hoàng Ngân		29/10/2003	Kinh	Quảng Trị	Khu phố 4, Đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang	10	
385	436	Lâm Võ Ngọc Ngân		1/12/1999	Kinh	Hải Phòng	546/14A Cách mạng tháng 8, phường Bình Thủy, TP. Cần Thơ	31.25	
386	437	Phạm Thuý Ngân		19/11/2000	Kinh	Cà Mau	ấp 10, xã U Minh, tỉnh Cà Mau	7	
387	438	Huỳnh Thị Kim Ngân		04/7/2000	Kinh	Đồng Tháp	ấp Long Thới A, xã Long Phú Thuận, tỉnh Đồng Tháp	26	
388	439	Mai Thị Kim Ngân		04/8/2003	Kinh	Đồng Tháp	Tổ 13, ấp 1, xã Thanh Hưng, tỉnh Đồng Tháp	32	
389	440	Dương Hữu Yến Ngân		5/10/2003	Kinh	Huế	Tổ 25 Ngọc Sơn, Tây Nha Trang, Khánh Hòa	11.75	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Kết quả điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ					
390	441	Chu Dương Hằng Ngân		22/3/2003	Kinh	Ninh Bình	538/41 Đoàn Văn Bơ, khu phố 25, phường Khánh Hội, TPHCM	38	
391	443	Lương Thị Thúy Ngân		9/1/2003	Kinh	Gia Lai	tổ 2, khu phố Thành Sơn, phường Tam Quan, tỉnh Gia Lai	54	
392	444	Phạm Hứa Trinh Ngân		27/5/2003	Kinh	TP Hồ Chí Minh	377/8 An Dương Vương, phường Bình Phú, TPHCM	70	
393	445	Lý Mộng Thùy Ngân		4/3/2003	Kinh	Cần Thơ	phường Vĩnh Châu, thành phố Cần Thơ	36	
394	447	Tổng Ngọc Bảo Ngân		3/3/2003	Kinh	Đồng Tháp	56 Đỗ Quang, phường Thới Sơn, tỉnh Đồng Tháp	25	
395	448	Vương Phạm Kim Ngân		7/4/2001	Kinh	Hải Phòng	331/3A Nơ Trang Long, phường Bình Lợi Trung, TPHCM	28	
396	449	Võ Mai Tuyết Ngân		2/3/2002	Kinh	Lâm Đồng	thôn Phú Nghĩa, xã Hàm Kiếm, tỉnh Lâm Đồng	25	
397	450	Nguyễn Hồ Thị Thảo Ngân		5/12/2000	Kinh	An Giang	số 24/6 Trần Hưng Đạo, Đông An 1, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang	22	
398	451	Võ Thị Bảo Ngân		14/6/2003	Kinh	Đắk Lắk	xã Ninh Sơn, tỉnh Khánh Hòa	32	
399	452	Trần Thu Ngân		27/5/2003	Kinh	Hải Phòng	số 7, tổ 112, KP Cẩm Phú 8B, phường Cửa Ông, tỉnh Quảng Ninh	31	
400	453	Nguyễn Thị Hà Ngân		23/6/2003	Kinh	Nghệ An	thôn 2, xã Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	50	
401	455	Trần Thị Ngọc Ngân		18/01/2002	Kinh	Lâm Đồng	Thôn Hiệp Thành, xã Tân Hải, tỉnh Lâm Đồng	30.5	
402	456	Hồ Thị Bảo Ngân		02/02/2002	Kinh	Lâm Đồng	Xóm 6, thôn Hội Nhon, xã Hàm Liên, tỉnh Lâm Đồng	12	
403	457	Bùi Thị Thanh Ngân		11/11/2003	Kinh	Tây Ninh	Số 154/7 ấp Thanh Hòa, xã Thuận Mỹ, tỉnh Tây Ninh	26.75	

STT	Số bảo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Kết quả điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ					
404	458	Lâm Thị Hải Nghi		22/9/2003	Khmer	An Giang	Ấp Thạnh Hưng, xã Thạnh Lộc, tỉnh An Giang	49.25	
405	459	Lê Đặng Phương Nghi		27/02/2001	Kinh	An Giang	Lô C2, Tổ 125, khóm Đồng Thịnh 7, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang	59	
406	460	Nguyễn Thị Tuyết Nghi		25/12/1996	Kinh	Cà Mau	xã Phong Hiệp, tỉnh Cà Mau	11	
407	461	Lý Thị Huy Nghi		28/7/2003	Khmer	Cần Thơ	Ấp Trường Bình, xã Trường Khánh, TP Cần Thơ	36	
408	462	Nguyễn Hiếu Nghĩa	31/7/2000		Kinh	Đồng Tháp	Ấp Tân Hưng Đông, xã Tân Phước 2, tỉnh Đồng Tháp	31.5	
409	463	Bùi Trọng Nghĩa	26/11/1998		Kinh	Hà Nội	Thôn Sơn Hà, xã Đình Văn Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng	11	
410	464	Danh Bùi Bích Ngọc		15/01/2003	Khmer	An Giang	Tổ 1, ấp Vĩnh Thành B, xã Bình An, tỉnh An Giang	35	
411	465	Nguyễn Mộng Ngọc		9/6/2000	Kinh	Cà Mau	Khóm 27, phường An Xuyên, tỉnh Cà Mau	40	
412	466	Nguyễn Linh Ngọc		06/10/2002	Kinh	Hà Nội	Trần Phú, xã Thường Tín, Thành phố Hà Nội	54	
413	467	Nguyễn Duy Ngọc	18/6/2003		Kinh	Quảng Trị	Khu phố 9, phường Nam Đông Hà, tỉnh Quảng Trị	41	
414	468	Đỗ Hồng Ngọc		12/5/1999	Kinh	Hải Phòng	81 Trần Hưng Đạo, Dãy Thép, Đồng Đăng, Lạng Sơn	22	
415	469	Trần Thị Kim Ngọc		24/8/2003	Kinh	Đồng Tháp	Ấp Chòm Xoài, xã Thường Phước, tỉnh Đồng Tháp	34.5	
416	470	Trần Minh Ngọc		03/01/1997	Kinh	Đồng Tháp	36/44 Trương Định, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp	29.35	
417	472	Lê Thị Ngọc		29/7/2001	Kinh	Nghệ An	khóm Tân Phong, xã Quỳnh Mai, tỉnh Nghệ An	24	

STT	Số bảo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Kết quả điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ					
418	473	Lê Trần Bảo Ngọc		21/11/2003	Kinh	Lâm Đồng	số 104 đường Trương Định, tổ 7, xã Bảo Lâm 1, tỉnh Lâm Đồng	3	
419	474	Đỗ Bảo Ngọc		2/6/2002	Kinh	Huế	thôn 9, phường Tân Lập, tỉnh Đắk Lắk	18	
420	475	Nguyễn Cao Thanh Ngọc		21/1/2003	Kinh	Đắk Lắk	ấp 18 Gia Đình, phường Bảo Vinh, tỉnh Đồng Nai	22	
421	476	Hứa Lê Như Ngọc		16/2/2003	Chăm	Khánh Hòa	1271A Đỗ Mười, phường Thới An, TPHCM	17	
422	478	Huỳnh Mỹ Ngọc		18/4/2000	Kinh	Đà Nẵng	xã Nam Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa	10.5	
423	479	Trần Bảo Ngọc		8/4/2002	Kinh	Đà Nẵng	Số 16 hẻm 64 Nguyễn Văn Linh, khu phố Trường Thiện, phường Long Hoa, tỉnh Tây Ninh	40	
424	480	Đặng Thị Ngọc		22/12/1998	Kinh	Nghệ An	Xóm 7, xã Hạnh Lâm, tỉnh Nghệ An	36	
425	481	Trần Lê Minh Ngọc		20/8/2003	Kinh	Vĩnh Long	ấp Tân Bình, xã Thạnh Phước, tỉnh Vĩnh Long	40	
426	482	Nguyễn Thị Kim Nguyên		13/3/1997	Kinh	An Giang	Ấp Hòa Thạnh, xã Châu Phong, tỉnh An Giang	15	
427	483	Nguyễn Huỳnh Nguyên		21/10/2002	Kinh	An Giang	Ấp 4, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang	35	
428	484	Nguyễn Phúc Gia Nguyên		29/9/1999	Kinh	Cà Mau	khóm 19, phường An Xuyên, tỉnh Cà Mau	65	
429	485	Trần Thái Nguyên	24/6/2001		Kinh	Khánh Hòa	Thôn Xuân Lạc 2, Tây Nha Trang, Khánh Hòa	18	
430	486	Trần Thảo Nguyên		20/4/2002	Kinh	Vĩnh Long	676 ấp 1, phường Sơn Đông, tỉnh Vĩnh Long	31	
431	487	Đinh Thị Thu Nguyên		20/8/2002	Kinh	An Giang	115 khóm Long Hòa, xã Chợ Mới, tỉnh An Giang	52	

STT	Số bảo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Kết quả điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ					
432	488	Châu Thị Minh Nguyệt		15/10/2003	Kinh	Quảng Ngãi	67 đường 22, thôn Nam Chính 3, xã Đức Linh, tỉnh Lâm Đồng	57	
433	489	Lê Thị Ánh Nguyệt		10/12/2002	Kinh	Thanh Hóa	TDP1, phường Đông Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng	14.25	
434	490	Nguyễn Minh Nguyệt		18/3/2001	Kinh	Vĩnh Long	khóm 4, xã Tân Hòa, tỉnh Vĩnh Long	37.5	
435	491	Nguyễn Thị Thanh Nhân		23/5/2001	Kinh	Đắk Lắk	Thôn Phước Nông, xã Tây Hòa, tỉnh Đắk Lắk	29	
436	492	Nguyễn Thanh Nhân		12/6/2001	Kinh	Huế	68 Nguyễn Trọng Quán, phường Tam Thắng, TPHCM	43.5	
437	495	Vương Quốc Nhật	15/4/1996		Kinh	Quảng Ngãi	29/8 Nguyễn Tự Tân, xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	37	
438	496	Bùi Lê Bảo Nhi		25/11/2003	Kinh	An Giang	Ấp Mỹ Hưng, xã Vĩnh Thạnh Trung, tỉnh An Giang	40	
439	497	Phạm Nguyễn Hoàng Nhi	11/12/2002		Kinh	An Giang	Ấp Bàu Môn, xã An Biên, tỉnh An Giang	42	
440	498	Trần Thị Yến Nhi		11/3/2001	Kinh	Cần Thơ	Ấp Tân Phú A, xã Tân Bình, thành phố Cần Thơ	22	
441	500	Nguyễn Thị Tố Nhi		28/8/1997	Kinh	Cần Thơ	Ấp Mỹ Hội, Xã Thới An Hội, thành phố Cần Thơ	18.5	
442	501	Nguyễn Thị Uyên Nhi		11/4/2003	Kinh	Huế	Thôn Hòa Vang 3, Xã Hưng Lộc, thành phố Huế	15.5	
443	503	Nguyễn Hoàng Hà Nhi		01/04/2002	Kinh	Quảng Ngãi	Thôn 2, xã Ea Drăng, tỉnh Đắk Lắk	15	
444	504	Đinh Thoại Yến Nhi		27/11/2003	Kinh	Ninh Bình	Số nhà 49, Trần Hưng Đạo, Hòa Đồng, Bù Đăng, Đồng Nai	54	
445	505	Đặng Thị Tú Nhi		06/11/2003	Kinh	Tây Ninh	ấp Phú Lợi, xã Mỹ Thành, tỉnh Đồng Tháp	27	

STT	Số bảo đanh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Kết quả điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ					
446	506	Chu Thị Tuyết Nhi		8/5/2002	Kinh	Hà Nội	361/19/11c Bến Bình Đông, phường Phú Định, TPHCM	13	
447	507	Võ Thị Thanh Nhi		24/10/2002	Kinh	TP Hồ Chí Minh	D11/14 ấp 39, xã Vĩnh Lộc, TPHCM	33.5	
448	508	Nguyễn Ngọc Bảo Nhi		11/10/2003	Kinh	TP Hồ Chí Minh	1135/41/18 Huỳnh Tấn Phát, phường Phú Thuận, TPHCM	28	
449	509	Nguyễn Tuyết Nhi		7/4/1998	Kinh	Vĩnh Long	khóm 6, xã Cái Nhum, tỉnh Vĩnh Long	39	
450	510	Ngô Trần Yến Nhi		16/11/2002	Kinh	TP Hồ Chí Minh	phường Phú Thọ Hòa, TPHCM	36.5	
451	511	Trịnh Lâm An Nhi		1/7/2002	Kinh	Quảng Ngãi	hẻm 93 Phan Đình Phùng, phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi	50	
452	512	Nguyễn Thị Phương Nhi		23/11/2000	Kinh	Hà Nội	44, đường số 35, KP 3, xã Tân An Hội, TPHCM	33	
453	513	Vũ Thị Yến Nhi		8/8/1997	Kinh	Ninh Bình	9/3D ấp 47, xã Bà Diêm, TPHCM	45	
454	515	Huỳnh Thị Tuyết Nhi		15/6/2003	Kinh	Đồng Nai	ấp 5, xã Thanh Sơn, tỉnh Đồng Nai	25	
455	516	Võ Trần Bảo Nhi		14/11/2003	Kinh	Tây Ninh	Số 70 ấp Thành Bắc, xã Đông Thành, tỉnh Tây Ninh	35	
456	518	Vũ Phong Nhiệm	4/8/2001		Kinh	Bắc Ninh	Số 19 Ngõ 93 phố Nghĩa Dũng, Phường Hồng Hà, Hà Nội	20	
457	519	Trần Kim Nhở		10/4/1996	Kinh	An Giang	số nhà 465A, tổ 2, ấp Danh Thợ, xã Long Thạnh, tỉnh An Giang	25	
458	520	Nguyễn Hoàng Nhung		22/8/2003	Kinh	Đà Nẵng	Thôn Quảng Huế, xã Đại Lộc, thành phố Đà Nẵng	36	
459	521	Lê Thị Hồng Nhung		04/4/2002	Kinh	Hà Tĩnh	Khóm 4, xã Bến Quan, tỉnh Quảng Trị	12	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Kết quả điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ					
460	523	Nguyễn Thị Nhung		5/6/2002	Kinh	Hung Yên	thôn Đắc Bình, xã Đắc Ui, tỉnh Quảng Ngãi	12	
461	524	Lê Quỳnh Như		9/12/2003	Kinh	Lâm Đồng	12a/3, tổ 6, khu phố 33, Tam Hiệp, Đồng Nai	37	
462	525	Hồ Trần Huỳnh Như		29/3/1999	Kinh	Đồng Tháp	582 Phạm Hữu Lầu, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	31.5	
463	526	Đỗ Phúc Phụng Như		5/12/2002	Kinh	Hung Yên	xã Thư Trì, tỉnh Hưng Yên	21	
464	527	Nguyễn Thị Cẩm Như		27/3/2002	Kinh	An Giang	số 395 ấp Xẻo Dinh, xã Tây Yên, tỉnh An Giang	20.5	
465	528	Nguyễn Ngọc Như		28/02/2003	Kinh	TP Hồ Chí Minh	205/7 Thích Quảng Đức, phường Đức Nhuận, TPHCM	25	
466	529	Nguyễn Bảo Như		12/12/2003	Kinh	Đà Nẵng	tổ 4, Hòa Khánh Nam, phường Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng	22	
467	530	Bùi Thị Ngọc Như		17/11/2002	Kinh	Hung Yên	77/34 Trần Văn Quang, KP 1, phường Bảy Hiền, TP HCM	37	
468	531	Huỳnh Khánh Như		19/02/2001	Khmer	Cà Mau	247 trần Huỳnh, khóm 5, phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau	32	
469	532	Trương Quỳnh Như		15/02/2002	Kinh	Gia Lai	xã Phù Cát, tỉnh Gia Lai	35	
470	533	Lê Thị Minh Như		20/6/2003	Kinh	Đồng Tháp	ấp Vàm Kinh, xã Mỹ Thạnh, tỉnh Tây Ninh	52	
471	534	Hồ Thị Huỳnh Như		27/3/2002	Kinh	Vĩnh Long	ấp Rạch Nung, xã Trung Hiệp, tỉnh Vĩnh Long	65	
472	536	Lâm Thị Kiều Oanh		2/12/2001	Kinh	Cần Thơ	ấp Nhơn Thành, xã Nhơn Ái, TP Cần Thơ	56	
473	537	Nhữ Nguyễn Minh Oanh		6/5/1998	Kinh	Hung Yên	Tổ 24, Ruộng Lớn, Bảo Vinh, Đồng nai	65	

STT	Số bảo đanh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Kết quả điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ					
474	538	Nguyễn Khoa Pháp	08/9/2003		Kinh	Huế	Tổ dân phố Niêm, phường Phong Dinh, thành phố Huế	45.5	
475	541	Hoàng Tiến Phát	17/5/2001		Kinh	Huế	01 Trần Thị Liên, ấp 68, xã Nhà Bè, TPHCM	34	
476	542	Nguyễn Tấn Phát	21/11/1995		Kinh	TP Hồ Chí Minh	213 Lầu 2 tầng 3 Lô A2 Chung cư Bình Tiên, tổ 30, khu phố 5, phường Bình Tiên, TPHCM	32	
477	543	Trương Việt Phong	10/10/1995		Kinh	Quảng Ngãi	thôn Đức Lý, xã Sa Thầy, tỉnh Quảng Ngãi	30.5	
478	544	Trần Anh Hữu Phúc	22/5/2001		Kinh	An Giang	Số nhà 530/10A, đường Ngô Quyền, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang	22.5	
479	545	Nguyễn Hoàng Phúc	11/11/2003		Kinh	Ninh Bình	172 Lê Hồng Phong, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	75	
480	546	Nguyễn Lê Ngọc Phụng		23/12/2003	Kinh	Đắk Lắk	Khu phố 1, phường Phú Yên, tỉnh Đắk Lắk	60	
481	547	Lê Đoàn Thu Phương		02/02/1998	Kinh	Quảng Trị	Quy Thiện, Vĩnh Định, Quảng Trị	28	
482	548	Nguyễn Thị Lan Phương		15/7/1996	Kinh	Đà Nẵng	Khối phố Bồng Lai, phường Điện Bàn, thành phố Đà Nẵng	61.5	
483	549	Dương Văn Phương	29/8/1996		Mông	Cao Bằng	Buôn Ea Púk, xã Ea Knốp, tỉnh Đắk Lắk	53	
484	551	Nguyễn Hoàng Nam Phương		20/12/2002	Kinh	Hải Phòng	Tổ 22, Khu Kim Sơn, Long Thành, Đồng Nai	43	
485	552	Lê Thị Ý Phương		29/11/1999	Kinh	Gia Lai	67/20 Nguyễn Thị Minh Khai, khu phố 7, Ninh Chữ, Khánh Hòa	62	
486	553	Nguyễn Ngọc Mai Phương		29/9/2002	Kinh	Gia Lai	80/8/4 Đồng Nai, Nam Nha Trang, Khánh Hòa	42	
487	554	Phạm Ngọc Minh Phương		9/10/2002	Kinh	Thanh Hóa	201/21 đường 21/8, TDP 2, phường Bảo An, Khánh Hòa	51	

STT	Số bảo đanh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Kết quả điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ					
488	555	Nguyễn Thị Mai Phương		29/12/2002	Kinh	Đà Nẵng	Tổ 5 Kỳ Bá- Trần Lãm, phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên	68.5	
489	556	Nguyễn Ngọc Thanh Phương		30/8/2000	Kinh	Tây Ninh	xã An Tịnh, tỉnh Tây Ninh	43	
490	558	Bùi Thị Bích Phương		2/2/1999	Kinh	Quảng Ngãi	số 16, đường 29, tổ 8, thôn 3, xã Đức Linh, tỉnh Lâm Đồng	24.5	
491	559	Nguyễn Thị Thanh Phương		30/12/2001	Kinh	Đắk Lắk	KP Phước Bình Bắc, phường Phú Yên, tỉnh Đắk Lắk	58	
492	560	Lê Hà Nguyên Phương		1/2/2000	Kinh	TP Hồ Chí Minh	453/96/60 Lê Văn Khuong, KP 64, phường Tân Thới Hiệp, TPHCM	33	
493	561	Nguyễn Thu Phương		15/11/2003	Kinh	Hưng Yên	thôn Việt Thanh 5, xã Thanh Nưa, tỉnh Điện Biên	28	
494	562	Lê Thị Mỹ Phương		12/3/2000	Kinh	Quảng Ngãi	thôn Phước Thành, xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	21	
495	563	Phạm Thị Mai Phương		20/3/2003	Kinh	Tây Ninh	Số 70/2 đường Nguyễn Trung Trực, ấp Tân Bình, xã Tân Trụ, tỉnh Tây Ninh	44	
496	564	Nguyễn Minh Phương		25/6/2003	Kinh	Hà Nội	14 ngách 64 ngõ An Sơn, phường Tương Mai, TP Hà Nội	18	
497	565	Thạch Thị Tú Phương		22/12/2003	Khmer	Vĩnh Long	60 Dương Quang Đông, khóm 4, phường Hòa Thuận, tỉnh Vĩnh Long	24	
498	566	Nguyễn Thị Thanh Phương		03/11/1998	Kinh	Hưng Yên	Thôn 7 Cư Ni, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk	48	
499	567	Trần Thị Ngọc Phương		21/5/2003	Kinh	Huế	xã Đông Môn 1, Diên Khánh, Khánh Hòa	10	
500	568	Lành Mỹ Phương		12/7/2001	Tày	Lạng Sơn	Số 19, ngõ 1, phố Hồ Tùng Mậu, phường Đồng Kinh, tỉnh Lạng Sơn	16	
501	569	Nguyễn Mỹ Phương		29/11/2003	Kinh	Đồng Nai	số 45, đường 11, KP Hàng Gòn, phường Hàng Gòn, tỉnh Đồng Nai	22.25	

STT	Số bảo đanh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Kết quả điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ					
502	570	Vũ Thị Kim Phượng		28/02/2000	Kinh	Hưng Yên	thôn Tân Lâm, xã Phú Sơn Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng	5.5	
503	571	Trương Minh Quân	18/12/2003		Kinh	Quảng Ngãi	Tổ 7, KP Xuân Tài, phường Bình Thuận, tỉnh Lâm Đồng	59	
504	572	Nguyễn Phụng Quân	30/7/2003		Kinh	TP Hồ Chí Minh	2/4C ấp Long Hòa, xã Cần Giờ, TPHCM	56	
505	573	Lê Nguyệt Quế		24/01/2002	Kinh	Vĩnh Long	322C Nguyễn Đình Chiểu, khu phố 8, phường Phú Khương, tỉnh Vĩnh Long	25	
506	574	Đoàn Võ Quốc	29/5/2001		Kinh	Đà Nẵng	Tổ dân phố Đông Trà, phường Bàn Thạch, thành phố Đà Nẵng	44.5	
507	575	Trần Thị Mai Đình Quý		27/11/2003	Kinh	Hải Phòng	số 254, ấp 4, xã Nhuận Đức, TPHCM	19	
508	576	Kim Thị Sa Quyên		20/11/1999	Khmer	Cần Thơ	Ấp Bung Chum, xã Ngọc Tỏ, TP Cần Thơ	10	
509	577	Đỗ Châu Thảo Quyên		18/01/2003	Kinh	Đắk Lắk	Khu phố Trung Hòa, xã Sơn Hòa, tỉnh Đắk Lắk	32.5	
510	580	Nguyễn Ngọc Phương Quyên		10/3/2003	Kinh	An Giang	ấp Bình Thạnh 1, xã Hội An, tỉnh An Giang	7	
511	581	Huỳnh Võ Tổ Quyên		24/7/1998	Kinh	Gia Lai	thôn Tân Trung, phường Tam Quan, tỉnh Gia Lai	40	
512	582	Trần Kim Quyên		15/4/1999	Kinh	Cần Thơ	ấp 3, xã Thới Hưng, TP Cần Thơ	8.5	
513	583	Nguyễn Hồng Ngọc Quỳnh		04/02/2003	Kinh	Đồng Tháp	Số 196B, ấp Tân Thạnh, xã Tân Long, tỉnh Đồng Tháp	31	
514	584	Hà Lê Diễm Quỳnh		07/4/2003	Kinh	Hà Tĩnh	Tổ 2, ấp Phước Thạnh, xã Mỹ Thuận, tỉnh An Giang	32	
515	585	Lê Khiết Quỳnh		18/5/2000	Hoa	TP Hồ Chí Minh	Khu vực 3, Phường Sóc Trăng, thành phố Cần Thơ	15.5	

Ch2

STT	Số bảo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Kết quả điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ					
516	586	Bùi Như Quỳnh		01/2/2003	Kinh	Phủ Thọ	Khu 18, xã Phùng Nguyên, tỉnh Phú Thọ	70	
517	587	Nguyễn Thị Như Quỳnh		26/4/2003	Kinh	Quảng Trị	45/10 Trần Đại Nghĩa, phường Nam Đông Hà, tỉnh Quảng Trị	34	
518	588	Doãn Thị Khánh Quỳnh		30/1/1998	Kinh	Ninh Bình	215 Mai Hắc Đế, phường Buôn Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk	10	
519	589	Trần Thảo Quỳnh		29/7/2001	Kinh	Ninh Bình	139A Lê Trung Kiên, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk	25	
520	590	Nguyễn Hương Quỳnh		27/12/2002	Tày	Thái Nguyên	Tổ 2, phường Đức Xuân, tỉnh Thái Nguyên	19	
521	591	Lê Ngọc Cẩm Quỳnh		19/11/2003	Kinh	Đồng Tháp	401D, tổ 20, ấp 4, xã Cái Bè, tỉnh Đồng Tháp	18	
522	594	Phạm Như Quỳnh		6/10/2001	Kinh	Nghệ An	xã Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	22	
523	595	Nguyễn Ngọc Diễm Quỳnh		20/4/2003	Kinh	Hà Nội	tổ 4, phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La	73.5	
524	596	Nguyễn Phan Anh Quỳnh		21/11/1998	Kinh	Hà Tĩnh	1040 Hùng Vương, thôn 14, xã Dì Linh, tỉnh Lâm Đồng	41	
525	597	Lê Ngọc Như Quỳnh		01/2/2002	Kinh	Quảng Ngãi	TDP3, phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	40.5	
526	598	Lê Đức Sang	29/1/2001		Kinh	Quảng Trị	191/1 khu vực Yên Thương phường Cái Răng, TP Cần Thơ	8	
527	599	Nguyễn Học Sĩ	14/9/2003		Kinh	Đồng Nai	15/1 ấp Phước Long, xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai	63	
528	600	Sầm Thị Diệu Sương		13/3/1997	Thái	Nghệ An	Khối Bắc Hồ, xã Quỳnh Hợp, Nghệ An	63	
529	601	Trương Thị Thu Sương		20/8/2002	Kinh	Đồng Tháp	Số 96, Khu phố 10, phường Trung An, tỉnh Đồng Tháp	23	

STT	Số bảo đanh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Kết quả điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ					
530	602	Khương Văn Tài	28/10/2002		Kinh	Thanh Hóa	tổ 1A, KP Miếu, phường Phước Tân, tỉnh Đồng Nai	60	
531	603	Nguyễn Thị Thanh Tâm		17/02/2003	Kinh	Bắc Ninh	Buôn Ju, phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk	37	
532	604	Nguyễn Thị Thanh Tâm		9/8/2003	Kinh	Gia Lai	144 Nguyễn Công Trứ, Phường 2, tỉnh Lâm Đồng	50	
533	606	Đặng Thiện Tâm	26/7/2002		Kinh	Gia Lai	TDP6, xã Bờ Y, tỉnh Quảng Ngãi	17	
534	607	Lương Trần Thanh Tâm		10/5/2002	Kinh	Bắc Ninh	Số 9 hẻm 1 đường Nguyễn Thái Học, tổ 6 khu phố 3, phường Tân Ninh, tỉnh Tây Ninh	8	
535	608	Nguyễn Khai Tâm	03/7/1999		Kinh	Vĩnh Long	ấp An Thọ, xã An Phước, tỉnh Vĩnh Long	25	
536	609	Châu Giang Tân	2/8/2003		Kinh	An Giang	Ấp Thị 1, xã Chợ Mới, tỉnh An Giang	52.25	
537	610	Huỳnh Nhật Tân	10/12/2002		Kinh	Gia Lai	331 Nguyễn Thị Lăng, ấp 1A, xã Cù Chi, TPHCM	23	
538	611	Trương Thủy Tiên		18/11/2002	Kinh	Hung Yên	60 Nguyễn Đình Chiểu, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk	10	
539	612	Nguyễn Thị Thủy Tiên		21/09/2003	Kinh	Hà Tĩnh	tổ 3, KP Phú An, phường Bình Long, tỉnh Đồng Nai	50	
540	613	Nguyễn Thủy Tiên		03/02/2003	Kinh	Vĩnh Long	73 Tân Quới Đông, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long	50	
541	614	Nguyễn Thị Thanh Tiên		24/12/2002	Kinh	Lâm Đồng	Thôn Thương Châu, Đặc khu Phú Quý, tỉnh Lâm Đồng	13	
542	615	Nguyễn Thị Thanh Tiên		27/5/2003	Kinh	Quảng Ngãi	TDP4, Phường Đông Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng	53	
543	616	Đinh Thị Kim Tiến		05/11/2002	Kinh	Đà Nẵng	Tổ 18, thôn An Lạc, xã Duy Nghĩa, thành phố Đà Nẵng	39	

STT	Số bảo đanh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Kết quả điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ					
544	617	Trương Minh Tiến	11/12/2000		Kinh	Quảng Trị	Thôn Hoàng Viễn, xã Lệ Ninh, tỉnh Quảng Trị	75.25	
545	618	Lê Vũ Tiến	18/07/1999		Kinh	Đồng Tháp	ấp Tân Hưng Phú, xã Tân Phước 2, tỉnh Đồng Tháp	55	
546	619	Đào Phú Tiến	7/4/2001		Kinh	Hải Phòng	số 2 Cống Rỗng, phường Kiến An, thành phố Hải Phòng	71	
547	620	Trương Văn Tiến	29/4/2002		Kinh	Quảng Ngãi	thôn Tây Phước 2, xã Bình Minh, tỉnh Quảng Ngãi	35	
548	621	Tạ Văn Tín	20/8/1998		Chăm	Lâm Đồng	163 Bình Thắng, xã Bắc Bình, tỉnh Lâm Đồng	18	
549	622	Nguyễn Văn Trí Tín	18/08/2003		Kinh	Cần Thơ	69/2/12 Đường D2 Khu phố 61, phường Thạnh Mỹ Tây, TPHCM	50	
550	623	Thống Hỷ Tín	07/02/2003		Hoa	Trung Quốc	328/7 Lò Siêu, phường Phú Thọ, TPHCM	18	
551	624	Trần Quốc Tinh	2/9/2003		Nùng	Cao Bằng	Xóm Nà Pàng, Cần Yên, Cao Bằng	19	
552	625	Mai Thanh Tinh	13/9/2001		Kinh	Quảng Trị	Thôn Phú Lộc, xã Ninh Châu, tỉnh Quảng trị	35	
553	626	Thạch Thanh Toàn	23/9/2003		Khmer	Cần Thơ	ấp Thạch Đông, xã Hòa Lưu thành phố Cần Thơ	14	
554	627	Hồ Phước Toàn	28/7/1997		Kinh	Đà Nẵng	Duy Xuyên, Đà Nẵng	31	
555	629	Tài Cao Toàn	15/4/2000		Chăm	Khánh Hòa	Thôn Văn Lâm 3, Thuận Nam, Khánh Hòa	9	
556	630	Phan Minh Toàn	18/10/2001		Kinh	Đà Nẵng	phường Đắc Cẩm, tỉnh Quảng Ngãi	35	
557	631	Lê Viết Toàn	24/6/1996		Kinh	Huế	Thôn Kế Sung, xã Phú Vinh, TP Huế	70	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Kết quả điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ					
558	632	Phạm Thị Cẩm Tú		13/7/2002	Kinh	Đồng Tháp	Áp Hòa Thành, xã Bình Ninh, tỉnh Đồng Tháp	35	
559	633	Hồ Minh Tú	06/02/2002		Kinh	Đồng Tháp	1455/3 Tỉnh lộ 10, phường Tân Tạo, TP. Hồ Chí Minh	20	
560	634	Lý Thị Cẩm Tú		27/11/2003	Kinh	Quảng Trị	171/75A Nguyễn An Ninh, phường Vũng Tàu, TPHCM	58.5	
561	636	Lê Anh Tuấn	24/10/2002		Kinh	Quảng Trị	thôn 2 Phúc Đồng, xã Phong Nha, tỉnh Quảng Trị	20	
562	638	Nguyễn Thanh Tùng	2/12/1997		Kinh	Ninh Bình	2/86a Phạm Văn Bạch, khu phố 13, phường Tân Sơn, TP Hồ Chí Minh	36.5	
563	639	Nguyễn Quang Tùng	21/10/1998		Kinh	Quảng Ngãi	thôn Tân Nghĩa, xã Bảo Thuận, tỉnh Lâm Đồng	70	
564	640	Trương Hoàng Tùng	12/12/2000		Kinh	Gia Lai	thôn Thịnh Văn 2, xã Vân Canh, tỉnh Gia Lai	21	
565	641	Trịnh Thanh Tùng	5/10/2002		Kinh	TP Hồ Chí Minh	228//5 Lê Lợi, phường Vũng Tàu, TPHCM	19	
566	642	Nguyễn Thanh Tùng	6/7/2002		Kinh	Thái Nguyên	số 66, thôn 1B, xã Đồng Phú, tỉnh Đồng Nai	34	
567	643	Lê Khánh Tùng	29/11/2002		Nùng	Hung Yên	208 Lê Lai, phường Kỳ Lừa, tỉnh Lạng Sơn	23	
568	644	Ngô Thanh Tùng	18/02/1999		Kinh	Hà Nội	15, ngách 32/160 Đồng Me, Mễ Tài, Từ Liêm, Hà Nội	29	
569	645	Ông Nguyễn Thị Anh Tuyền		05/5/2003	Kinh	Nghệ An	Thôn 8, xã Ea Ktur, tỉnh Đắk Lắk	26	
570	646	Trần Thị Thanh Tuyền		19/12/1999	Kinh	Tây Ninh	ấp An Đông, xã An Thới Đông, TPHCM	12	
571	647	Lê Thị Tuyền		29/3/2002	Kinh	Đà Nẵng	Khối phố Thanh Quý II, phường An Thắng, thành phố Đà Nẵng	52	

STT	Số bảo đanh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Kết quả điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ					
572	648	Đinh Thị Tuyến		27/7/2001	Ba Na	Gia Lai	Thôn K2, xã Vĩnh Sơn, tỉnh Gia Lai	54	
573	650	Nguyễn Thị Kim Tuyết		10/2/2003	Kinh	Khánh Hòa	727 đường 23/10, Tây Nha Trang, Khánh Hòa	29	
574	651	Nguyễn Trần Ánh Tuyết		28/8/2002	Kinh	Nghệ An	11/8B Lương Thế Vinh, Nam Nha Trang, Khánh Hòa	3	
575	652	Nguyễn Cát Tường		2/12/2002	Kinh	Nghệ An	531/42 Phạm Văn Thuận, Tam Hiệp, Đồng Nai	44	
576	653	Nguyễn An Tường		20/9/2003	Kinh	Lâm Đồng	Tổ 7, thôn Lâm Giáo, xã Hàm Thuận, tỉnh Lâm Đồng	59	
577	654	Lê Ngọc Lan Tường		27/4/2002	Kinh	Vĩnh Long	ấp Đông Thạnh, xã Tân Thành Bình, tỉnh Vĩnh Long	40	
578	655	Phạm Lê Béc Ty	14/6/2003		Kinh	Quảng Ngãi	Nghĩa Chánh, Quảng Ngãi	20	
579	656	Nguyễn Chí Thái	25/07/2003		Kinh	Hà Nội	số 36A Kỳ Đồng, phường Hong Bang, thành phố Hải Phòng	36	
580	657	Mai Xuân Thái	03/02/2002		Kinh	Ninh Bình	81 Đồng Đa, Phường Xuân Hương - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	61	
581	658	Tôn Thiện Thái	25/3/2003		Kinh	Nghệ An	Lô C40, KQH Hoàng Văn Thụ, P. Xuân Hương - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	0	
582	659	Trần Thị Lan Thanh		11/8/2000	Kinh	An Giang	Tổ 23, ấp Hòa Phú 4, xã An Châu, tỉnh An Giang	30	
583	660	Nguyễn Phúc Thanh	18/4/2002		Kinh	Khánh Hòa	Thôn Phước Lương, Diên Thọ, Khánh Hòa	36	
584	661	Nguyễn Trung Thành	03/02/1997		Kinh	Đà Nẵng	Tổ 24, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng	39	
585	662	Trần Tuấn Thành	7/12/2003		Kinh	Hải Phòng	số 18/320 Lê Lai, phường Ngô Quyên, thành phố Hải Phòng	52	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Kết quả điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ					
586	663	Nguyễn Đoàn Đô Thành	20/10/2002		Kinh	Hà Nội	Thôn Trát Cầu, xã Thường Tín, TP, Hà Nội	28	
587	664	Lê Thị Cẩm Thành		16/7/2000	Kinh	Hà Tĩnh	thôn Hồng Lạc, xã Mai Phụ, tỉnh Hà Tĩnh	27	
588	665	Nguyễn Bá Thành	9/11/1997		Kinh	Tây Ninh	Số 324/8 ấp Hiệp Thạnh, xã Tầm Vu, tỉnh Tây Ninh	39.5	
589	666	Đỗ Nguyễn Thạnh	13/11/1995		Kinh	Quảng Ngãi	thôn Tây An Vĩnh, đặc khu Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	20	
590	667	Dương Thị Thu Thảo		03/03/1999	Khmer	Cần Thơ	Ấp Phước Hòa, xã Thuận Hòa, thành phố Cần Thơ	2	
591	668	Đặng Thị Thanh Thảo		21/9/2003	Kinh	Nghệ An	Xóm Kỳ Nam, xã Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An	75	
592	669	Lê Trần Phương Thảo		25/10/2001	Kinh	Thanh Hóa	61/13 tổ 2 khu phố 5, Trảng Dài, Đồng Nai	36.5	
593	670	Đặng Tô Ngọc Thảo		13/7/2003	Kinh	Quảng Trị	01, Nguyễn Thị Minh Khai, kp 5, p Long Khánh, Đồng Nai	31	
594	672	Trần Thị Thu Thảo		06/09/2003	Kinh	Quảng Trị	Phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị	28	
595	673	Nguyễn Thu Thảo		02/06/2003	Kinh	Quảng Trị	167/11 Lưu Chí Hiếu, phường Rạch Dừa, TPHCM	14	
596	674	Ngô Phương Thảo		01/10/2002	Kinh	Phú Thọ	thôn Đông Hà, xã Nam Ban Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng	27	
597	675	Nguyễn Thị Thảo		13/01/2002	Kinh	Hưng Yên	xã Chí Minh, tỉnh Hưng Yên	71	
598	676	Nguyễn Lê Thạch Thảo		26/01/1998	Kinh	Hà Tĩnh	539B đường 2/4 Nghĩa Lập 5, xã Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng	33	
599	677	Vương Thị Huyền Thảo		16/8/2001	Kinh	Quảng Ngãi	thôn Gò Lê, xã Ba Dinh, tỉnh Quảng Ngãi	16	

STT	Số bảo đanh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Kết quả điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ					
600	678	Trần Thị Phương Thảo		13/7/2003	Kinh	Nghệ An	Số 02 đường Huỳnh Công Giản, tổ 1, ấp 6, xã Tân Biên, tỉnh Tây Ninh	18	
601	679	Nguyễn Ngọc Phương Thảo		29/9/2002	Kinh	Tây Ninh	Số 565 khu phố 3, phường Long An, tỉnh Tây Ninh	15	
602	680	Ngô Ngọc Thảo		20/2/2002	Kinh	TP Hồ Chí Minh	Số 516 khu phố 3, phường Tân Ninh, tỉnh Tây Ninh	12	
603	681	Lê Thị Hồng Thảo		26/7/2003	Kinh	Vĩnh Long	4/6 ấp Tân Hạnh, phường Tân Hạnh, tỉnh Vĩnh Long	50.5	
604	682	Lê Thị Thu Thảo		21/01/1998	Kinh	Vĩnh Long	1109F ấp Phước Trinh, xã Bình Phước, tỉnh Vĩnh Long	37	
605	683	Lê Văn Tháp	16/9/2001		Kinh	Nghệ An	Tổ dân phố 6, xã Ia Grai, tỉnh Gia Lai	77	
606	684	Ngũ Thị Hồng Thắm		13/11/2003	Kinh	Nghệ An	331, Quốc lộ 14, Đức Phong, Bù Đăng, Đồng Nai	71	
607	685	Nguyễn Thị Thắm		1/9/1998	Kinh	Thanh Hóa	Thôn Phú An, Phú Trung, Đồng Nai	35	
608	686	Đinh Thị Thân		24/4/1998	Hre	Quảng Ngãi	Thôn Biều Quạ, xã Sơn Mai, tỉnh Quảng Ngãi	47.5	
609	687	Nguyễn Thị Thi		02/05/2001	Kinh	Quảng Ngãi	Thôn Hòa Bình 3, xã Đắc Liêng, tỉnh Đắk Lắk	20	
610	689	Mai Thị Trinh Thi		9/5/2000	Kinh	Tây Ninh	Số 56 đường CMT8 ấp Bàu Sậy, xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh	43	
611	690	Đặng Thị Mai Thi		19/6/2002	Kinh	Tây Ninh	Số 31 hẻm 99 đường Trần Văn Trà, khu phố Giồng Tre, phường Bình Minh, tỉnh Tây Ninh	29.5	
612	691	Trương Trần Thanh Thiện	2/2/2002		Kinh	Khánh Hòa	Khu phố Khánh Hiệp, Ninh Chữ, Khánh Hòa	3	
613	692	Phan Thị Thiện		13/3/2000	Kinh	Bắc Ninh	Thôn Gia Phú, xã Nhân Thắng, tỉnh Bắc Ninh	25	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Kết quả điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ					
614	693	Nguyễn Thị Phước Thiện		30/10/2002	Kinh	Quảng Ngãi	thôn Châu Me, xã Lân Phong, tỉnh Quảng Ngãi	21	
615	694	Lê Chí Thịnh	24/5/2003		Kinh	Cà Mau	ấp Cái Keo, xã Quách Phẩm, tỉnh Cà Mau	30	
616	695	Nguyễn Cao Minh Thoại		13/01/2003	Kinh	TP Hồ Chí Minh	392/1 Tỉnh lộ 2, ấp Gia Bè, xã Nhuận Đức, TPHCM	31	
617	696	Hoàng Trung Thống	01/7/2003		Kinh	Hưng Yên	Buôn Ea Ktur, xã Ea Ktur, tỉnh Đắk Lắk	17	
618	697	Đinh Văn Thống	01/7/2000		Kinh	Đồng Tháp	307/2, ấp Long Khánh, xã Hòa Long, tỉnh Đồng Tháp	30	
619	698	Ngô Huy Thống	19/02/2002		Kinh	Hưng Yên	khu phố Phú Mỹ, phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai	13	
620	699	Phạm Mai Nhất Thống	25/09/2001		Kinh	Đồng Nai	1A Trần Đại Nghĩa, phường Bà Rịa, TPHCM	22	
621	700	Nguyễn Ngọc Minh Thơ		27/11/2002	Kinh	Đồng Tháp	KP Phú An, phường Nhị Quý, tỉnh Đồng Tháp	60	
622	701	Lê Huy Thuận	8/12/2003		Kinh	Hưng Yên	C75 Phó Trúc, KĐT Ecopark, xã Phụng Công, tỉnh Hưng Yên	33	
623	702	Nguyễn Mậu Diệp Thụy		22/3/1995	Kinh	TP Hồ Chí Minh	số 5/94 đường Nơ Trang Long, phường Gia Định, TPHCM	20	
624	703	Vy Thị Thanh Thụy		12/8/2003	Kinh	Quảng Ngãi	phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi	6	
625	704	Đinh Thị Minh Thùy		4/4/2001	Kinh	Nghệ An	Ấp Đồng Tiến 4, Đồng Tâm, Đồng Nai	20	
626	705	Bùi Thị Minh Thùy		22/9/2001	Kinh	Đồng Tháp	Tổ 15, ấp Mỹ Phước 1, xã Mỹ Quý, tỉnh Đồng Tháp	25	
627	706	Nguyễn Thị Minh Thùy		29/6/2003	Kinh	Quảng Ngãi	thôn Xuân Trung, xã Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi	14	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Kết quả điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ					
628	707	Phạm Hồng Thủy		11/7/2002	Kinh	Hà Tĩnh	Tổ 1 Thiên Bình, Tam Phước, Đồng Nai	47.5	
629	708	Lương Thị Thanh Thủy		15/04/2003	Kinh	Đắk Lắk	thôn Tịnh Thọ, xã Sơn Thành, tỉnh Đắk Lắk	30	
630	709	Phan Thị Xuân Thủy		24/05/2003	Kinh	Đồng Tháp	Tổ 2, ấp Phú Hữu, xã Tân Phú Đông, tỉnh Đồng Tháp	63	
631	710	Nguyễn Thị Thủy		08/09/1999	Kinh	Hà Tĩnh	xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh	66	
632	711	Phạm Thị Thủy		20/10/1998	Hre	Quảng Ngãi	thôn Làng Giấy, Dốc Mốc, xã Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi	50	
633	712	Thạch Thanh Thủy		25/9/2002	Khmer	Cần Thơ	ấp Tác Gồng, xã Ngọc Tỏ, TP Cần Thơ	25	
634	713	Đào Vĩnh Thuyền		17/02/2001	Kinh	Đồng Tháp	62/20/1 Trần Hưng Đạo, phường Bến Thành, TPHCM	32	
635	714	Danh Thị Anh Thư		05/5/2002	Khmer	An Giang	Ấp Xuân Bình, xã Định Hòa, tỉnh An Giang	35	
636	715	Nguyễn Thị Anh Thư		31/12/2002	Kinh	Nghệ An	Số nhà 91 đường Nguyễn Văn Linh, Thôn 1, xã Ea Knốp, tỉnh Đắk Lắk	57.5	
637	716	Nguyễn Thị Anh Thư		20/1/2002	Kinh	Cà Mau	xã Phong Hiệp, tỉnh Cà Mau	52	
638	717	Lê Thị Anh Thư		14/11/2001	Kinh	Cà Mau	ấp Ông Quyền, xã Tân Ân, tỉnh Cà Mau	41.5	
639	719	Nguyễn Huỳnh Thanh Thư		23/09/2002	Kinh	TP Hồ Chí Minh	F3/33 ấp 24, xã Bình Lợi, TPHCM	24.5	
640	720	Phạm Lâm Thư		16/04/2003	Kinh	Cà Mau	khóm Bùng Bình 1, phường Hòa Thành, tỉnh Cà Mau	37.25	
641	721	Mai Thị Anh Thư		05/02/2001	Kinh	TP Hồ Chí Minh	số 140B đường Lê Minh Nhựt, ấp Trung 1, xã Cù Chi, TPHCM	20	

STT	Số bảo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Kết quả điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ					
642	723	Phạm Anh Thư		25/10/1999	Kinh	Ninh Bình	94 khu lao động Nghĩa Dũng, phường Hồng Hà, thành phố Hà Nội	10	
643	724	Nguyễn Phan Hoàng Thư		26/9/2000	Kinh	Lâm Đồng	Thôn 7, xã Liên Hương, tỉnh Lâm Đồng	5	
644	725	Đặng Lê Anh Thư		31/7/2003	Kinh	Nghệ An	Số 38 hẻm 20 đường số 4 - Trần Phú, khu phố Ninh Trung, phường Bình Minh, tỉnh Tây Ninh	15.75	
645	726	Phùng Thị Anh Thư		26/3/2001	Kinh	Tây Ninh	ấp Cái Vòm, xã Thạnh Hóa, tỉnh Tây Ninh	17.25	
646	727	Nguyễn Thị Hoài Thương		06/7/2002	Kinh	Quảng Trị	Thôn 2, xã Trung Thuần, tỉnh Quảng Trị	67.5	
647	728	Hoàng Thị Thân Thương		25/5/2000	Kinh	Nghệ An	Thôn Thống Nhất, xã Ea Tul, tỉnh Đắk Lắk	35	
648	729	Dương Thị Huyền - Thương		21/12/2002	Kinh	Thanh Hóa	Tổ 8, ấp Bình Tân, xã Xuân Phú, tỉnh Đồng Nai	13	
649	730	Tăng Thị Lan Thương		12/9/1996	Kinh	Thanh Hóa	tổ 3, thôn 5, xã Long Hà, tỉnh Đồng Nai	23	
650	731	Văn Khánh Thương		20/8/2001	Kinh	Thanh Hóa	CT2-A10 Nam Trung Yên, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội	75.5	
651	732	Huỳnh Anh Thy		04/07/2003	Kinh	Khánh Hòa	03 Đặng Văn Ngữ, khu phố Khánh Sơn 1, phường Ninh Chữ, tỉnh Khánh Hòa	15	
652	733	Nguyễn Ngô Nhật Thy		19/09/2002	Kinh	TP Hồ Chí Minh	D14/404/1, ấp 41, xã Hưng Long, TPHCM	34	
653	734	Phạm Nhật Thy		04/02/2003	Kinh	Quảng Ngãi	51A Hai Bà Trưng, Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	40	
654	736	Phạm Thị Thanh Trà		27/1/2001	Kinh	Thanh Hóa	thôn Tân Lập 2, xã Lâm Sơn, tỉnh Khánh Hòa	15	
655	737	Lê Thị Thùy Trang		07/8/2000	Kinh	An Giang	Tổ 6, ấp Ba Trại, xã Kiên Lương, tỉnh An Giang	13	

STT	Số bảo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Kết quả điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ					
656	738	Trần Thị Minh Trang		24/10/2002	Kinh	Quảng Ngãi	xóm Vĩnh Hiệp, thôn An Vĩnh, xã Tịnh Khê, tỉnh Quảng Ngãi	10	
657	739	Nguyễn Thị Quỳnh Trang		27/3/2003	Kinh	Quảng Trị	Thôn Nhĩ Trung, xã Cửa Việt, tỉnh Quảng Trị	45	
658	740	Huỳnh Thùy Trang		15/5/2003	Kinh	Gia Lai	15B Hà Huy Tập, tổ 23 phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng	19	
659	741	Hoàng Quỳnh Trang		01/01/1999	Kinh	Hưng Yên	137/2 Lê văn Hiến, phường Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng	51	
660	742	Nguyễn Thị Thảo Trang		02/4/2002	Kinh	Đà Nẵng	Phường Hương Trà, thành phố Đà Nẵng	61	
661	743	Phạm Thị Quỳnh Trang		20/9/2003	Kinh	Hà Nội	Số 82B Lê Lợi, phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội	76.5	
662	745	Lê Linh Trang		30/5/2003	Kinh	Thanh Hóa	Số 48 Lê Lợi, thôn 5, xã Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	24	
663	746	Đặng Trần Kiều Trang		29/10/2003	Kinh	Hải Phòng	D12, tổ 8D, khu phố 5 An Bình, phường Trần Biên, Đông Nai	34.5	
664	748	Lê Thị Huyền Trang		26/9/2003	Kinh	Quảng Trị	Thôn Phú Hòa, xã Trường Phú, tỉnh Quảng Trị	54	
665	749	Trần Thị Thùy Trang		05/12/2001	Kinh	TP Hồ Chí Minh	1716/46/74/24A ấp 6, xã Nhà Bè, TPHCM	56.5	
666	750	Vũ Nguyễn Quỳnh Trang		29/06/2002	Kinh	Bắc Ninh	37/8/38 Đường số 44, phường An Hội Tây, TPHCM	24	
667	751	Lê Thị Hồng Trang		29/10/2001	Kinh	Đắk Lắk	khu phố Long Hà, xã Đồng Xuân, tỉnh Đắk Lắk	19.5	
668	752	Nguyễn Thị Khánh Trang		30/05/2003	Kinh	Khánh Hòa	188 Nguyễn Huệ, thôn Lạc Hóa 2, xã Tân Linh, tỉnh Lâm Đồng	70.5	
669	753	Nguyễn Triều Minh Trang		28/03/2002	Kinh	Đồng Nai	207 lô C2 Chung cư phường 6, phường Khánh Hội, TPHCM	34	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Kết quả điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ					
670	754	Hoàng Thanh Trang		13/12/2003	Kinh	Ninh Bình	3,01, Lô C5 Chung cư K300, số 28 Quách Văn Tuấn, phường Bảy Hiền, TPHCM	29	
671	755	Hoàng Huyền Trang		23/06/2003	Kinh	Quảng Trị	TDP 14, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị	29.5	
672	757	Võ Thị Thùy Trang		05/03/2002	Kinh	Quảng Ngãi	thôn An Phú, xã Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi	9	
673	758	Nguyễn Linh Trang		26/12/2002	Kinh	Nghệ An	khối Yên Sơn, phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An	14.5	
674	759	Phan Ngọc Minh Trang		24/10/2003	Kinh	Tây Ninh	Thôn 1, xã Bảo Lâm 2, tỉnh Lâm Đồng	51.5	
675	760	Lê Thụy Thùy Trang		7/1/1998	Kinh	Đồng Tháp	ấp An Tịnh, xã Mỹ Tịnh An, tỉnh Đồng Tháp	15	
676	762	Nguyễn Thị Thu Trâm		25/8/2001	Kinh	Đắk Lắk	Thôn Tân Long, xã Ô Loan, tỉnh Đắk Lắk	61	
677	763	Nguyễn Thị Ngọc Trâm		01/06/2001	Kinh	Đồng Tháp	Tổ 6, khu phố Bình Lợi, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp	13	
678	764	Lê Thị Tuyết Trâm		07/11/2002	Kinh	Đà Nẵng	xã Ea Phê, tỉnh Đắk Lắk	36	
679	765	Nguyễn Hữu Mai Trâm		17/01/2000	Kinh	TP Hồ Chí Minh	1/1E ấp 68, xã Đông Thạnh, TPHCM	23	
680	766	Ngô Bảo Quỳnh Trâm		26/12/1999	Kinh	Hung Yên	82 Nguyễn Thái Học, phường 2 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng	29	
681	767	Nguyễn Phạm Ngọc Phương Trâm		1/12/1996	Kinh	Tây Ninh	ấp Tân Chánh A, xã Nhơn Ninh, tỉnh Tây Ninh	22	
682	768	Diệp Bảo Trâm		13/5/2001	Kinh	Vĩnh Long	ấp Phú Nhiêu, xã Châu Thành, tỉnh Vĩnh Long	40	
683	769	Phạm Thị Bảo Trân		09/7/1998	Kinh	An Giang	Số nhà 346, ấp 2, xã An Biên, tỉnh An Giang	53	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Kết quả điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ					
684	770	Nguyễn Bảo Trân		25/10/2002	Kinh	Cà Mau	xã Tân Hưng, tỉnh Cà Mau	21	
685	771	Lưu Hồ Bảo Trân		7/10/2003	Kinh	An Giang	khóm 2, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau	17	
686	772	Quách Thuỳ Trân		10/2/2000	Kinh	Cà Mau	ấp Trung Điền, xã Đông Hải, tỉnh Cà Mau	12	
687	774	Trần Thị Quế Trân		14/3/2002	Kinh	Đồng Tháp	Ấp Hữu Lợi, xã Bình Trung, tỉnh Đồng Tháp	34	
688	775	Nguyễn Huỳnh Thùy Trân		4/3/2003	Kinh	Đắk Lắk	thôn Phú Diễn Ngoài, xã Hòa Thịnh, tỉnh Đắk Lắk	59	
689	776	Nguyễn Khánh Trân		10/4/2003	Kinh	Đắk Lắk	19 Đồng Khởi, Tuy Hòa, Đắk Lắk	31	
690	777	Nguyễn Thị Ngọc Trân		02/02/2003	Kinh	Khánh Hòa	tổ 7, KP2, phường Hàm Thắng, tỉnh Lâm Đồng	50	
691	778	Bùi Ngọc Huyền Trân		15/2/2003	Kinh	Tây Ninh	Ấp 11, xã Mỹ Lệ, tỉnh Tây Ninh	57	
692	779	Đoàn Thị Bích Trân		09/8/1997	Kinh	Vĩnh Long	số 9, Tổ 1, khóm Phước Lợi A, phường Phước Hậu, tỉnh Vĩnh Long	77.5	
693	780	Nguyễn Hải Triều	17/03/2003		Kinh	Hà Nội	12 Nguyễn Thiện Thuật, phường Bàn Cờ, TPHCM	20	
694	782	Trịnh Thị Yến Trinh		17.01.2001	Kinh	Cần Thơ	9/42B Quang Trung, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	40	
695	783	Lê Thị Tú Trinh		7/7/1997	Kinh	An Giang	KV Long Định, Phường Thới Long, thành phố Cần Thơ	52	
696	784	Lê Thị Tú Trinh		24/11/2002	Kinh	Vĩnh Long	Ấp Phú Sung, xã Lục Sĩ Thành, tỉnh Vĩnh Long	50	
697	785	Phạm Thị Phương Trinh		31/10/2003	Kinh	Đà Nẵng	271 Đỗ Đăng Tuyển, xã Đại Lộc, thành phố Đà Nẵng	40	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Kết quả điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ					
698	786	Đinh Thị Mỹ Trinh		16/06/2003	Kinh	Đà Nẵng	thôn Trà Kiếm, phường Hòa Xuân, thành phố Đà Nẵng	64	
699	788	Lại Thục Trinh		12/06/2001	Kinh	Ninh Bình	xóm 5, xã Giao Thủy, tỉnh Ninh Bình	32	
700	789	Lê Thị Tuyết Trinh		16/08/2002	Kinh	Thanh Hóa	thôn 6, xã Đức Lập, tỉnh Lâm Đồng	37.5	
701	790	Nguyễn Thị Minh Trinh		19/5/1999	Kinh	Quảng Ngãi	thôn Cộng Hòa 1, phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi	24	
702	791	Trần Thị Trình Trinh		10/6/2003	Kinh	Vĩnh Long	ấp An Hoà, Xã An Phú Tân, tỉnh Vĩnh Long	37.86	
703	792	Lê Đình Trọng	20/10/2001		Kinh	Gia Lai	thôn Vĩnh Lợi 1, xã An Lương, tỉnh Gia Lai	31.5	
704	793	Ngô Thị Thanh Trúc		16/5/2003	Kinh	Quảng Trị	Tổ 5, Thuận Phú 2, Thuận Lợi, Đồng Nai	14	
705	794	Trần Ngọc Như Trúc		31/5/2003	Kinh	Quảng Ngãi	TDP Linh Trung, Cam Linh, Khánh Hòa	16	
706	795	Trần Thanh Trúc		8/2/2001	Kinh	Quảng Ngãi	281/16/7 Nguyễn An Ninh, phường Vũng Tàu, TPHCM	27	
707	797	Nguyễn Thị Mai Trúc		21/01/2003	Kinh	Thanh Hóa	Tổ 37, thôn Hiệp Hoà, xã Ninh Gia, tỉnh Lâm Đồng	43	
708	798	Nguyễn Lương Bảo Trúc		17/4/2000	Kinh	Bắc Ninh	TDP8, xã Đắc Hà, tỉnh Quảng Ngãi	24.5	
709	799	Nguyễn Bảo Trung	04/11/2003		Kinh	Đồng Tháp	557, KP2, phường Phú Khương, tỉnh Vĩnh Long	23.5	
710	800	Lê Minh Trung	26/10/2003		Kinh	Gia Lai	xóm Xuân Điền 2, thôn Nam Tượng 1, xã An Nhơn Tây, tỉnh Gia Lai	22	
711	801	Phạm Huỳnh Anh Trung	14/5/2003		Kinh	Quảng Ngãi	thôn Làng Trui, xã Ba Vì, tỉnh Quảng Ngãi	1	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Kết quả điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ					
712	802	Nguyễn Thành Trung	10/11/2001		Kinh	Hà Nội	Số 60 hẻm 52/11/76 Gia Quất, phường Bồ Đề, thành phố Hà Nội	9	
713	803	Son Thanh Truyền	27/1/2002		Khmer	Vĩnh Long	ấp 2, xã Trung Thành, tỉnh Vĩnh Long	34	
714	804	Phạm Thị Truyền		23/6/2000	Kinh	Huế	thôn 6, xã Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk	12.5	
715	805	Phạm Trần Xuân Trường	20/4/1998		Kinh	Ninh Bình	Số nhà 74, thôn 1, xã Ea Nuôi, tỉnh Đắk Lắk	0	
716	807	Nguyễn Mỹ Phương Uyên		27/12/2000	Kinh	Nghệ An	Tổ dân phố 6, xã Đắk Hà, tỉnh Quảng Ngãi	21	
717	808	Nguyễn Thu Uyên		08/10/2000	Kinh	Đà Nẵng	Thôn Trang Diên Gia Nam, xã Vu Gia, thành phố Đà Nẵng	28	
718	809	Phan Thục Uyên		18/02/2003	Kinh	Đà Nẵng	Tổ 7, thôn Thạch Nham Tây, xã Bà Nà, thành phố Đà Nẵng	33.5	
719	810	Nguyễn Thị Phương Uyên		18/12/2000	Kinh	Ninh Bình	9/2/76, Tổ 35D, Khu phố 11, Phường Tân Triều, Đồng Nai	26.75	
720	811	Đặng Châu Uyên		20/2/2002	Kinh	Hà Tĩnh	18/285, Lê Quý Đôn, Tân Xuân, Bình Phước, Đồng Nai	51	
721	812	Lê Võ Thảo Uyên		03/5/2001	Kinh	Đồng Tháp	Số 147 Hòa Đông, phường. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	51	
722	813	Trần Nguyễn Tú Uyên		24/4/2001	Kinh	Hung Yên	1902/21 đường Đỗ Mười, KP 6, phường Tân Thới Hiệp, TP HCM	57.5	
723	814	Nguyễn Thu Uyên		10/4/1997	Kinh	Quảng Trị	xóm Tiêu, thôn Cổ Thành, xã Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị	33	
724	816	Trần Thảo Uyên		03/07/2003	Kinh	Quảng Ngãi	A27-28 đường Lê Quý Đôn, Phường Phú Thủy, tỉnh Lâm Đồng	35	
725	817	Hoàng Tú Uyên		21/3/2003	Kinh	Quảng Trị	phường Đắk Bla, tỉnh Quảng Ngãi	33	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Kết quả điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ					
726	818	Lê Ngọc Thảo Uyên		18/3/2003	Kinh	Vĩnh Long	124C Hùng Vương, khu phố 3, phường Bến Tre, tỉnh Vĩnh Long	10	
727	819	Bùi Khánh Vân		04/9/2003	Kinh	Đà Nẵng	Tổ 23 phường An Hải, thành phố Đà Nẵng	20	
728	820	Đỗ Hải Vân		02/01/2003	Kinh	Ninh Bình	Số 93 đường Xuân Diệu, tổ 58, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	62	
729	821	Lý Ánh Vân		28/10/2000	Kinh	Thanh Hóa	tổ 7, KP Chòm Sao, xã Hòn Đất, tỉnh An Giang	18	
730	822	Nguyễn Thị Vân		9/7/1999	Kinh	Phú Thọ	thôn 6, xã Tuy Đức, tỉnh Lâm Đồng	38	
731	823	Đoàn Thị Thuý Vân		21/3/2003	Kinh	Hà Nội	Thôn Tân Kết, xã Tân Hà Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng	52	
732	824	Dương Ngọc Hà Vi		23/7/2003	Kinh	Ninh Bình	430 Nguyễn Văn Trỗi, tổ 7, phường An Bình, tỉnh Gia Lai	47	
733	826	Phan Thị Huyền Vi		25/10/2001	Kinh	Khánh Hòa	số 7C/250 Trường Chinh, tổ 4, Khu phố 5, Phường Ninh Chữ, tỉnh Khánh Hoà	5	
734	827	Nguyễn Nhật Viễn	3/11/2003		Kinh	Tây Ninh	Tổ 22, khu phố Ninh Tân, phường Bình Minh, tỉnh Tây Ninh	35	
735	828	Phạm Quốc Việt	27/10/2002		Kinh	Ninh Bình	Thôn 3, xã Hòa Bắc, tỉnh Lâm Đồng	5.5	
736	829	Phan Trí Vinh	31/8/2001		Kinh	Cần Thơ	ấp Dương Kiên, xã Hoà Tú, thành phố Cần Thơ	12	
737	830	Nguyễn Quang Vinh	11/03/2003		Kinh	Hung Yên	Khu Hải Ninh, phường Móng Cái 1, tỉnh Quảng Ninh	35	
738	831	Phạm Hoàng Vũ	29/6/2002		Kinh	An Giang	6434, ấp Hà Bao 1, xã Vĩnh Hậu, tỉnh An Giang	16.75	
739	832	Nguyễn Bá Vũ	21/8/1995		Kinh	Bắc Ninh	109 Trần Nguyên Hãn, phường Lê Chân, thành phố Hải Phòng	18.5	

STT	Số bảo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Kết quả điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ					
740	833	Huỳnh Minh Vương	09/6/1999		Kinh	Gia Lai	Thôn 5, xã Ea Nuôi, tỉnh Đắk Lắk	63	
741	834	Lê Trần Thiên Vy		01/4/2003	Kinh	An Giang	Số nhà 1021, ấp Phước Hòa, xã Thạnh Lộc, tỉnh An Giang	12.75	
742	835	Nguyễn Đoàn Thanh Vy		17/5/2002	Kinh	An Giang	Số nhà 684/29F, Trần Hưng Đạo, Khóm Đông Thịnh 3, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang	36	
743	836	Ngô Khánh Vy		23/12/2003	Kinh	Ninh Bình	Khóm 3, phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau	32	
744	837	Nguyễn Lê Vy		3/3/2002	Kinh	Cà Mau	phường Hoà Thành, tỉnh Cà Mau	10	
745	838	Lê Đỗ Thuý Vy		13/10/2002	Kinh	An Giang	số 10, tổ 1, ấp An Bình, xã Hội An, tỉnh An Giang	16	
746	839	Bùi Trần Tường Vy		19/4/2003	Kinh	Cần Thơ	Đặng Trung Tiến, phường An Thạnh, TP Cần Thơ	41	
747	840	Trương Thủy Vy		10/12/2004	Kinh	Cần Thơ	Áp Đông Thạnh, xã Đông Thuận, thành phố Cần Thơ	36	
748	841	Đinh Lê Thủy Vy		26/8/2003	Kinh	Đà Nẵng	Số 108 Trần Nhật Duật, phường Hội An Đông, thành phố Đà Nẵng	64.25	
749	842	Phạm Thị Tường Vy		21/02/2000	Kinh	Đà Nẵng	Tổ 6, thôn An Long, xã Quế Sơn, thành phố Đà Nẵng	25	
750	843	Lê Thị Tường Vy		04/3/2002	Kinh	Đà Nẵng	Xuân Tây, phường Tam Kỳ, thành phố Đà Nẵng	26	
751	844	Lương Tường Vy		22/11/2003	Kinh	Quảng Ngãi	Áp Thuận Thành 1, Xã Thuận Lợi, Tỉnh Đồng Nai	28	
752	845	Nguyễn Ngọc Khánh Vy		'12/4/2002	Kinh	Đồng Tháp	Áp Mỹ Lương, xã Long Tiến, tỉnh Đồng Tháp	54	
753	846	Lê Thị Nhật Vy		27/11/2000	Kinh	Đồng Tháp	Áp Bình Hòa B, xã Bình Trung, tỉnh Đồng Tháp	60	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Kết quả điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ					
754	847	Lê Ủy Vy		22/7/2003	Kinh	Đồng Tháp	ấp Xuân Sác, xã Hiệp Đức, tỉnh Đồng Tháp	33.5	
755	848	Huỳnh Nguyễn Ngọc Vy		1/1/2003	Kinh	Quảng Ngãi	thôn 10, xã An Phú, tỉnh Quảng Ngãi	10	
756	849	Lê Thị Thảo Vy		10/4/2003	Kinh	Ninh Bình	thôn Yên Cư 4, xã Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình	48.5	
757	851	Nguyễn Trần Thảo Vy		28/4/2001	Kinh	Cần Thơ	354/47 Phan Văn Trị, phường Bình Lợi Trung, TPHCM	45	
758	854	Nguyễn Trần Thoại Vy		14/01/2003	Kinh	Gia Lai	Thôn Quảng Đức, xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hoà	41.5	
759	855	Lê Thị Thẩm Xoan		31/3/1999	Kinh	Nghệ An	Xóm 5, xã Thiên Nhẫn, tỉnh Nghệ An	23	
760	856	Nguyễn Thị Xoan		20/9/2003	Kinh	Hung Yên	Thôn Sơn Cường, xã Đắc Liêng, tỉnh Đắk Lắk	66	
761	857	Nguyễn Thị Kim Xuyên		28/9/2003	Kinh	Tây Ninh	Số 174/4 Ấp 4, xã Tầm Vu, tỉnh Tây Ninh	35	
762	858	Trần Thùy Ý		01.01.2003	Kinh	Cà Mau	ấp Chòi Mòi, xã Định Thành tỉnh Cà Mau	51	
763	859	Trần Thị Như Ý		23/8/2003	Kinh	Huế	Phường Phú Bài, thành phố Huế	15	
764	860	Đỗ Ngọc Như Ý		13/3/2002	Kinh	Đồng Nai	Chính Nghĩa, Phước An, Đồng Nai	9.75	
765	862	Nguyễn Thị Như Ý		3/6/2001	Kinh	Hà Nội	97/29 Hồng Lạc, phường Bảy Hiền, TPHCM	28	
766	863	Nguyễn Như Ý		12/9/2002	Kinh	Quảng Ngãi	phường Trương Quang Trọng, tỉnh Quảng Ngãi	21.25	
767	864	Phạm Thị Thiên Ý		31/12/2003	Kinh	Quảng Ngãi	tổ 7, phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi	9.5	

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Kết quả điểm thi vòng 2	Ghi chú
			Nam	Nữ					
768	865	Hà Hoàng Yến		11/4/2000	Kinh	An Giang	Ấp Võ Thành Nguyên, xã Ngọc Chúc, tỉnh An Giang	25	
769	866	Dương Hải Yến		3/3/2000	Kinh	Cà Mau	Ấp 3, xã Nguyễn Phích, tỉnh Cà Mau	5	
770	867	Huỳnh Hoàng Yến		15/10/2002	Kinh	Cần Thơ	ấp Phước Hoà, xã Đồng Phước, thành phố Cần Thơ	21	
771	868	Phạm Thị Ngọc Yến		19/5/2000	Kinh	Cần Thơ	Ấp 7, xã Lương Tâm, thành phố Cần Thơ	38	
772	869	Nguyễn Thị Yến		8/3/1996	Kinh	Đà Nẵng	Thôn Hội Lâm, xã Sơn Cẩm Hà, thành phố Đà Nẵng	45	
773	870	Bùi Hoàng Yến		7/3/2003	Kinh	Hưng Yên	217 Chung cư An Bình, đường Phạm Phú Thứ, Nha Trang, Khánh Hòa	28	
774	871	Nguyễn Thị Mỹ Yến		15/3/2001	Kinh	Tây Ninh	số 66 đường kênh 13, ấp Mũi Lớn 1A, xã Tân An Hội, TP HCM	17	
775	872	Phạm Châu Kim Yến		4/10/2003	Kinh	Vĩnh Long	ấp Bình Tịnh B, xã Bình Phước, tỉnh Vĩnh Long	36	
776	873	Vũ Kim Yến		3/7/2003	Kinh	Phú Thọ	số 11 ngõ 100 Cù Chính Lan, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội	31.5	
777	874	Trương Tiểu Yến		16/11/1998	Kinh	Quảng Ngãi	35 thôn Pré, xã Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	48	
778	875	Phạm Hoàng Ngọc Yến		23/9/2002	Kinh	Tây Ninh	Số 5E ấp An Hòa 3, xã Thủ Thừa, tỉnh Tây Ninh	25	
779	876	Hồ Nhật Vy		17/9/2001	Kinh	Khánh Hòa	TDP 4, phường Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa	35	
780	877	Hoàng Kim Hòa		15/7/1997	Kinh	Hà Nội	Thôn 3 Mê Linh, xã Nam Ban Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng	15	
781	878	Lê Thị Hải Bình		11/02/2003	Kinh	Quảng Trị	Xóm Chợ, thôn Trà Lộc, xã Vĩnh Định, tỉnh Quảng Trị	34	